

Số: 1936 /TB - BVCTCH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 12 năm 2020

THÔNG BÁO
BỔ SUNG DANH SÁCH NHÀ THẦU ĐÁP ỨNG YÊU CẦU KỸ THUẬT
Gói thầu thuốc Generic
Thuộc dự toán: Mua sắm thuốc năm 2020-2021
Chủ đầu tư: Bệnh viện Chấn thương Chính hình

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ Y tế Quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 1042/QĐ-BVCTCH ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chính hình về việc phê duyệt bổ sung danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật “Gói thầu thuốc Generic” thuộc dự toán Mua sắm thuốc năm 2020-2021 của Bệnh viện Chấn thương Chính hình;

Chúng tôi (Bên mời thầu) xin thông báo đến quý nhà thầu kết quả đánh giá về mặt kỹ thuật “Gói thầu thuốc Generic” năm 2020-2021 như sau:

- Danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật: *theo danh sách đính kèm.*

Chúng tôi đề nghị Quý nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật vui lòng cử đại diện đến tham dự **buổi mở hồ sơ đề xuất tài chính** “Gói thầu thuốc Generic” năm 2020-2021 vào lúc 13 giờ 45 phút ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại Hội trường A Bệnh viện Chấn thương Chính hình - Địa chỉ: 929 Trần Hưng Đạo, phường 1, quận 5, Tp.HCM.

Trân trọng./.

Nơi nhận :

- Công ty TNHH DP và TTBYT USS Pharma;
- Công ty CP DP Trung Ương CPC1;
- Lưu : VT, KD (PC/3b).

Đại diện hợp pháp bên mời thầu



Châu Văn Đỉnh



Số: 1042/QĐ - BVCTCH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt bổ sung danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật
Gói thầu thuốc Generic
Thuộc dự toán: Mua sắm thuốc năm 2020-2021

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

Căn cứ Quyết định số 3377/QĐ-SYT ngày 17 tháng 5 năm 2017 của Sở Y tế Thành phố HCM về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình trực thuộc Sở Y tế Thành phố HCM;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ Y tế Quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 5694/QĐ-SYT ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Giám đốc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Gói thầu mua sắm thuốc năm 2020-2021 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình;

Căn cứ Quyết định số 677/QĐ-BVCTCH ngày 06 tháng 8 năm 2020 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình về việc phê duyệt dự toán gói thầu: Mua thuốc năm 2020 – 2021 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình;

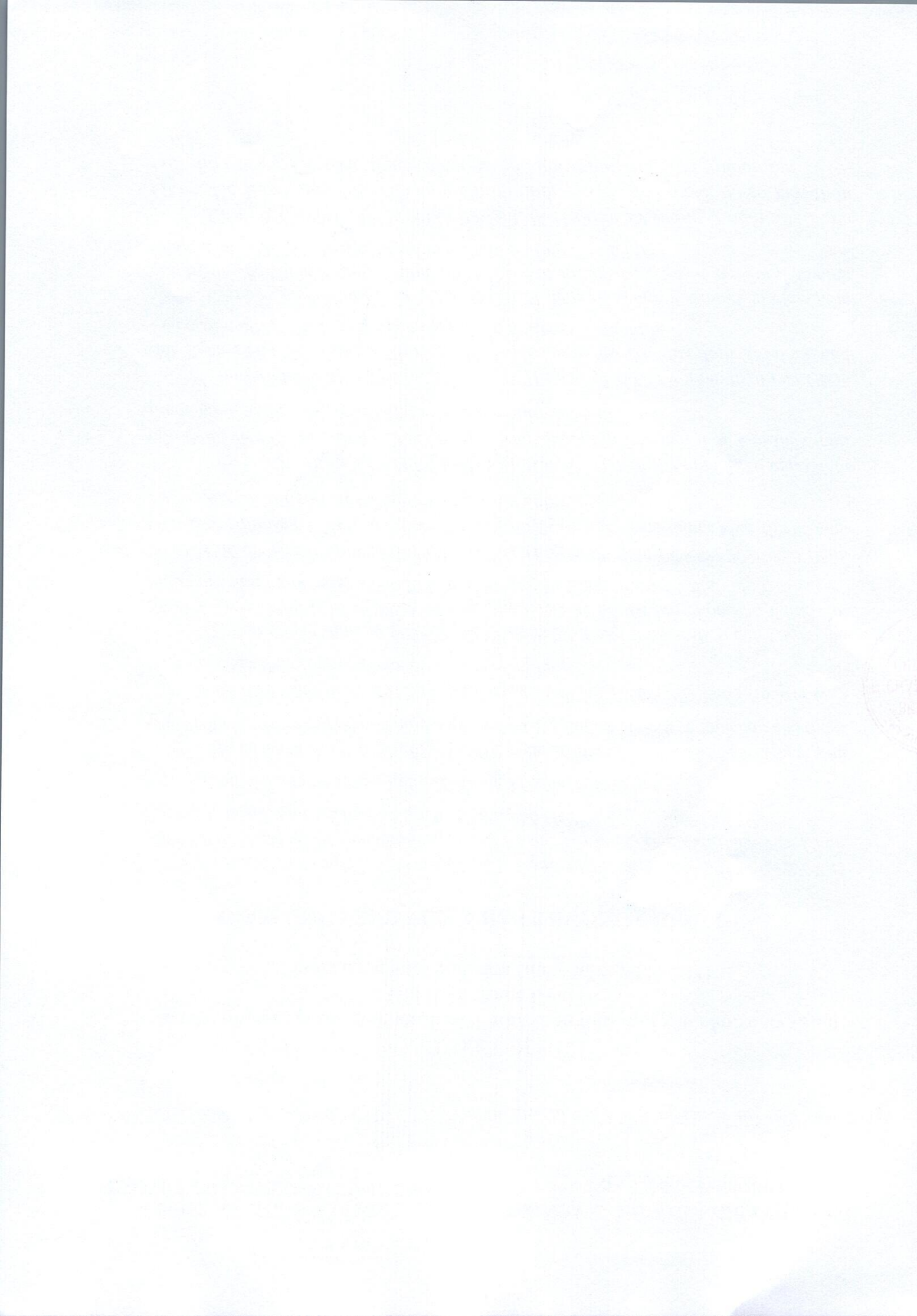
Căn cứ Quyết định số 717/QĐ-BVCTCH ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình về việc thành lập Bên mời thầu Gói thầu mua thuốc năm 2020 – 2021 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình;

Căn cứ Quyết định số 716/QĐ-BVCTCH ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình về việc thành lập Tổ thẩm định Gói thầu mua thuốc năm 2020 – 2021 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình;

Căn cứ Quyết định số 718/QĐ-BVCTCH ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình về việc thành lập Tổ Chuyên gia Gói thầu mua thuốc năm 2020 – 2021 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình;

Căn cứ Quyết định số 802/QĐ-BVCTCH ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu Gói thầu thuốc Generic thuộc dự toán các gói thầu mua sắm thuốc năm 2020-2021;





Căn cứ quyết định số 1031/QĐ-BVCTCH ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình Về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, Gói thầu thuốc Generic thuộc dự toán các gói thầu mua sắm thuốc năm 2020-2021 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình;

Xét Báo cáo đánh giá bổ sung hồ sơ đề xuất kỹ thuật ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Tổ chuyên gia, Tờ trình thẩm định kết quả đánh giá bổ sung hồ sơ đề xuất kỹ thuật ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bên mời thầu và Báo cáo thẩm định bổ sung kết quả đánh giá kỹ thuật ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Tổ thẩm định Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình, Gói thầu thuốc Generic thuộc dự toán Mua thuốc năm 2020-2021;

Xét đề nghị của Bên mời thầu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật Gói thầu thuốc Generic thuộc dự toán Mua thuốc năm 2020-2021 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình như sau:

1. Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương CPC1

- Sản phẩm: Silymarin 70mg
- Số đăng ký: VD-32934-19
- Nhóm: 4

2. Công ty TNHH Dược phẩm và TTBYT USS Pharma

- Sản phẩm: Partamol Codein eff
- Số đăng ký: VD-14577-11
- Nhóm: 2

Các thông tin khác theo quyết định trên vẫn không thay đổi.

Điều 2. Quyết định này là căn cứ pháp lý để Bên mời thầu mở hồ sơ đề xuất về tài chính.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Bên mời thầu Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình chịu trách nhiệm thi hành quyết định này và tổ chức thực hiện đấu thầu theo đúng qui định Luật đấu thầu./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KD (3b).

Đại diện hợp pháp Bên mời thầu
GIÁM ĐỐC



Châu Văn Đính





BẢNG TỔNG HỢP CÁC SẢN PHẨM DỰ THẦU ĐẠT ĐIỂM KỶ THUẬT (>= 80)

GỢI THẦU THUỐC GENERIC

STT	SIT	Họ/t chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
1 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG																			
NHÓM 2																			
1	29	Ampicillin (dưới dạng Ampicilin natri); Sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri)	Auroperenz 1.5		VN-17643-14	1g; 0,5g	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ + 1 ống nước pha tiêm 5ml	Tiêm	Lọ	Aurobindo Pharma Ltd	India	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT
3 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA																			
NHÓM 4																			
1	144	Gabapentin	Neupencap		VD-23441-15	300mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ Dược Danapha	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
2	195	Metoclopramid hydroclorid	Metoran		VD-25093-16	10mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 2ml	Tiêm	Ống	Công ty Cổ Dược Danapha	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
3	227	Papaverin hydroclorid	Papaverin 2%		VD-26681-17	40mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 2ml	Tiêm	Ống	Công ty Cổ Dược Danapha	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
4	247	Vitamin K1	Vitamin K1 10mg/ml		VD-18191-13	10mg/ml	Dung dịch tiêm (tiêm bắp, tiêm truyền tĩnh mạch)	Hộp 10 ống x 1ml	Tiêm	Ống	Công ty Cổ Dược Danapha	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

TH-2C1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Họ/tên chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
5	250	Povidon Iod	PVP-Iodine 10%		VD-30239-18	Mỗi 100ml chứa: Povidon iod 10g	Dùng dịch dùng ngoài	Lọ 500ml	Dùng ngoài	Lọ	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
6	255	Pregabalin	Dalryc		VD-25091-16	75mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
7	290	Tramadol HCl	Trasolu		VD-33290-19	100mg/2ml	Dùng dịch tiêm	Hộp 10 ống x 2ml	Tiêm	Ống	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
4 CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM KHANG HUY																			
NHÓM 1																			
1	150	Glucosamin sulfat (dưới dạng Glucosamin sulfat natri clorid)	Arthroloc		VN-20443-17	Mỗi gói chứa: Glucosamin sulfat (dưới dạng Glucosamin sulfat natri clorid tương đương với glucosamin base 1177,8mg) 1500mg	Bột pha dung uống	Hộp 30 gói	Uống	Gói	Rafarm S.A.	Greece	CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM KHANG HUY	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	80,00	ĐẠT	ĐẠT

MS

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Họạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	
2	189	Metropemem (dưới dạng Metropemem trihydrat)	Menrgold LV	Menrgold LV (cơ sở sản xuất bán thành phẩm: Acs Dobfar S.p.A, địa chỉ: Viale Addezza, 4/12-20067 Tribiano, Milan, Italia; sản xuất thành phẩm và xuất xưởng: Facca Farmaceutici S.p.A, địa chỉ: Nuccelo Industriale S. Aito-64020 S. Nicolo'a Tordino, Teramo, Italia)	VN-18267-14	1g	Bột pha tiêm, truyền tĩnh mạch	Hộp 10 lọ	Truyền tĩnh mạch	Lọ	Facca Farmaceutici S.p.A	Italia	CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẠM KHANG HUY	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT	
NHÓM 4																				
3	15	Escin	Aescin 20mg		VD-23473-15	20mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 30 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần Minh Hắt Dược	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MTV THUƠNG MẠI DƯỢC PHẠM KHANG HUY	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	81,00	ĐẠT	ĐẠT	



3/87

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỆNH VIỆN CHÂN THƯỜNG CHỈNH HÌNH

TH-2C1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Họat chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bao chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
5 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC																			
NHÓM 4																			

1	126	Eperison HCl	Ryzonal		VD-27451-17	50mg	Viên nén bao phim	Hộp 6 viên, Hộp 10 viên	Uống	Viên	Công ty dược phẩm Đạt Vì Phú	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT
2	135	Etoricoxib	Magrax-F		VD-19172-13	120mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 viên x 10 viên	Uống	Viên	Công ty dược phẩm Đạt Vì Phú	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT
3	139	Etoricoxib	Magrax		VD-30344-18	90mg	Viên nén bao phim	Hộp 4 viên x 7 viên, Hộp 10 viên x 10 viên	Uống	Viên	Công ty dược phẩm Đạt Vì Phú	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT
4	144	Gabapentin	Neubacel		VD-28921-18	300mg	Viên nang cứng	Hộp 6 viên, Hộp 10 viên x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vì Phú	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT

4/87

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
5	282	Thioconichicosisid	Bourabha-4		VD-32808-19	4mg	Viên nén	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT

NHÓM 5

6	136	Etoricoxib	Magrax-F		VD-19172-13	120mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT
---	-----	------------	----------	--	-------------	-------	-------------------	--------------------	------	------	--------------------------------------	----------	---	-----	-----	-----	-------	-----	-----

6 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

NHÓM 4

1	237	Paracetamol	CEMOFAR 325	CEMOFA R 325	VD-21634-14	325mg	Viên nén	Hộp 1 lọ 100 viên	Uống	Viên	Công Ty Cổ Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ PHARMEDIC	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
2	252	Povidon iod	POVIDINE 4%		VD-31645-19	Mỗi 500ml dung dịch chứa: Povidon iod 20g	Dung dịch dùng ngoài	Chai 800ml	Dùng ngoài	Chai	Công Ty Cổ Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ PHARMEDIC	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT

7 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC ANH

(Handwritten signature)
5/87



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

TH-2C1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Họ/tên chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bao chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)

NHÓM 1

1	22	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin natri)+ Acid clavulanic (dưới dạng kali clavulana)	Axuka		VN-20700-17	1000mg; 200mg	Bột pha tiêm	Hộp 50 lọ	Tiêm	Chai/lọ /túi/lọ g	S.C Antibiotic ce S.A	Romani	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC ANH	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	81,00	ĐẠT	ĐẠT
---	----	---	-------	--	-------------	---------------	--------------	-----------	------	-------------------	-----------------------	--------	--------------------------------	-----	-----	-----	-------	-----	-----

8 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

NHÓM 4

1	250	Povidon iod	Povidon iod 10%		VD-21325-14	2g/20ml	Thuốc nước dùng ngoài	Chai 500ml	Dùng ngoài	Chai	Chi nhánh Công ty Cổ Dược OPC tại Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
2	251	Povidon Iod	Povidon iod 10%		VD-21325-14	10%	Thuốc nước dùng ngoài	Chai 90ml	Dùng ngoài	Chai	Chi nhánh Công ty Cổ Dược OPC tại Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT

9 CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO

NHÓM 3

1	293	Trimetazidin dilydrochlorid	Dozidine MR 35mg		VD-22629-15	35mg	Viên nén bao phim phòng thich chậm	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
---	-----	-----------------------------	------------------	--	-------------	------	------------------------------------	--------------------	------	------	--	----------	---	-----	-----	-----	-------	-----	-----

NHÓM 4

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
2	21	Alphachymotrypsin (tương đương 4,2mg Alphachymotrypsin)	Alphachymotrypsin Doren		VD-26456-17	4200 đơn vị USP	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên, 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
3	90	Celecoxib	Celecoxib		VD-17172-12	200mg	Viên nang	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
4	144	Gabapentin	Gaberon		VD-19634-13	300mg	Viên nang cứng	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
5	179	Lisinopril (dưới dạng Lisinopril dihydroat)	Dorotril 10mg		VD-23899-15	10mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
6	183	Bột hạt Malva, Xanh methylen, Camphor monobromid	Domiazol		VD-22627-15	250mg, 25mg, 20mg	Viên nén bao đường	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

TH-2C1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Họ/tên chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SBK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
7	200	Acetylcystein	Esomez 200mg		VD-32278-19	Mỗi 1 gam có chứa: Acetylcystein 200mg	Thuốc có chứa Acetylcystein pha hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 1g	Uống	Gói	Công ty cổ phần nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
8	241	Paracetamol, Codein phosphat hemihydrat	Dopagan-Codein Effervescent		VD-30015-18	500mg; 30mg	Viên nén sủi bọt	Hộp 4 vỉ x 4 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
9	278	Sulfamiciilin (dưới dạng Sulfamiciilin tosilat dihydrat)	Dodacin 375mg		VD-30746-18	375mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
10	282	Thiocolchicosid	Donsyl 4 mg		VD-25423-16	4mg	Viên nén	Hộp 1 vỉ x 10 viên, 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
NHÓM 4																			
10 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC NEWSUN																			
NHÓM 4																			
1	144	Gabapentin	Myleran plus		VD-25406-16	300mg	Viên nén sủi bọt	Hộp 4 vỉ x 4 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần SPM	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC NEWSUN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	81,00	ĐẠT	ĐẠT
11 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM LIVIAT																			
NHÓM 4																			

BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
1	140	Febuxostat	Goelio 80		OLEB-657-18	80mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh Công ty Cổ Dược Phong Phú - Nhà máy sản xuất Dược phẩm Usarichpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM LIVIAT	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT

12 CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR

NHÓM 4																			
1	21	Chymotrypsin	Alphaachymo trypsin		VD-13550-10 (CV 3788/QLD-DK, 21/03/2019)	21 micro katals	Viên nén	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Hóa Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA-DƯỢC PHẨM MEKOPHAR	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
2	23	Mỗi lọ chứa: Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin natri) 1g; Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat) 200mg	Augbactam 1g/200mg		VD-29319-18	1g, 200mg	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty Cổ phần Hóa-Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA-DƯỢC PHẨM MEKOPHAR	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
3	46	Calcium (dưới dạng Calcium gluconolactat và Calcium carbonat) 200mg	Calcium MKP 500 Effervescent		VD-22278-15 (CV 4923/QLD-DK, 23/04/2020)	500mg	Viên nén sủi bọt	Hộp 1 tuýp x 20 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Hóa-Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA-DƯỢC PHẨM MEKOPHAR	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT

Mu



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

TH-2C1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
4	116	Diclofenac sodium	Diclofenac 75mg		VD-17672-12 (CV 4918/QLD-DK ngày 23/04/2020)	75mg	Viên bao phim tan trong ruột	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ Hóa Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA-DƯỢC PHẨM MEKOPH AR	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
5	200	Acetylcystein	Mekonnucos ol		VD-30682-18	Mỗi gói 1g chứa: Acetylcyst ein 200mg	Thuốc cốm	Hộp 30 gói x 1,0g	Uống	Gói	Công ty Cổ Hóa-Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA-DƯỢC PHẨM MEKOPH AR	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
6	207	Natri Chlorid	Sodium chloride 0,9%		VD-24415-16	0,9g/100m l	Dung dịch tiêm truyền	Chai 100ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty Cổ Hóa-Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA-DƯỢC PHẨM MEKOPH AR	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
7	208	Natri Chlorid	Sodium chloride 0,9%		VD-24415-16	0,9g/100m l	Dung dịch tiêm truyền	Chai 1000ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty Cổ Hóa-Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA-DƯỢC PHẨM MEKOPH AR	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
8	209	Natri Chlorid	Sodium chloride 0,9%		VD-24415-16	0,9g/100m l	Dung dịch tiêm truyền	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty Cổ Hóa-Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA-DƯỢC PHẨM MEKOPH AR	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỆNH VIỆN CHÂN THƯỜNG CHỈNH HÌNH

TH-2C1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNNK	Hàm lượng	Dạng bảo chế	Dạng trình bày	Dương dùng	Đơn vị	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
9	211	Natri clorid; Glucose monohydrat tương đương glucose khan	Sodium chloride 0,9% & dextrose 5%		VD-20961-14 (CV 12336/QLD-DK ngày 22/07/2019)	Mỗi chai 250ml chứa: Natri clorid 2,25g; Glucose monohydrat tương đương glucose khan 12,5g	Dung dịch tiêm truyền	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty Cổ phần Hóa Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA-DƯỢC PHẨM MEKOPHAR	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
10	234	Paracetamol	Paracol 10mg/ml		VD-28270-17	0,5g/50ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai 100ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty Cổ phần Hóa-Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA-DƯỢC PHẨM MEKOPHAR	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
11	237	Paracetamol	Paracetamol 325mg		VD-27290-17	325mg	Viên nén bao phim	Chai 180 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Hóa-Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA-DƯỢC PHẨM MEKOPHAR	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
12	263	Sodium chloride, Potassium chloride, Calcium chloride dihydrat, Sodium acetate trihydrate	Acetate Ringer		VD-15871-11 (CV 9200/QLD-DK ngày 29/06/2020)	3g + 0,15g + 0,075g + 1,9g	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty Cổ phần Hóa Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA-DƯỢC PHẨM MEKOPHAR	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
13	264	Sodium chloride, potassium chloride, calcium chlorid dihydrat, sodium lactat	Lactate Ringer		VD-16087-11 (CV 5015/QLD-DK ngày 23/04/2020)	3g, 0,15g, 0,075g, 1,55g	Dung dịch tiêm truyền	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty Cổ phần Hóa-Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA-DƯỢC PHẨM MEKOPHAR	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT

PHỐ
I VIỆC
THỨ
H HINH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Họ tên chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
13 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1																			
NHÓM 1																			

1	127	Ephedrin hydroclorid	Ephedrine Aguetant 30mg/ml		VN-19221-15	30mg/ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 10 ống 1ml	Tiêm	Ống	Laboratoire Aguetant	France	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT
2	150	Glucosamin (dưới dạng Crystalline Glucosamin sulfate sodium chloride 1884mg) 1178mg; tương đương 1500mg Glucosamin sulfate	Viartri-S		VN-21282-18	1500mg	Bột pha dung dịch uống	Hộp 30 gói	Uống	Gói	Rotapharm Ltd.	Ireland	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
3	154	Heparin sodium	Heparin		VN-15617-12	25.000UI/5ml	Dung dịch tiêm	Hộp 25 lọ x 5ml	Tiêm	Lọ	Rotexmedica GmbH Arzneimittel werk	Germany	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT
4	168	Ketamin (dưới dạng Ketamine HCl)	Ketamine Hydrochlorid de injection		VN-20611-17	500mg/10ml	Dung dịch tiêm	Hộp 25 lọ 10ml	Tiêm	Lọ	Rotexmedica GmbH Arzneimittel werk	Germany	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT
5	172	Ketorolac trometamol	Algesin-N		VN-21533-18	30mg	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống 1ml	Tiêm	Ống	S.C. Rompharm Company S.r.l	Rumani	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	80,00	ĐẠT	ĐẠT

BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	
	6	215	Natri hyaluronat	Go-On	VN-20762-17	25mg/2,5 ml	Dung dịch tiêm	Hộp 1 bom tiêm	Tiêm	Bom tiêm	Croma Pharma GmbH	Austria	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT	
	7	223	Noradrenalin (dưới dạng Noradrenalin tartrat)	Levonor	VN-20116-16	1mg/ml	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 10 ống x 1ml	Tiêm	Ống	Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A.	Poland	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	80,00	ĐẠT	ĐẠT	
	8	253	Pregabalin	PMS-Pregabalin	VN-18574-14	75mg	Viên nang cứng	Hộp 4 vỉ x 15 viên	Uống	Viên	Pharmascienc e Inc.	Canada	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT	
NHÓM 4																				
	9	31	Hỗn hợp Ampicilin natri và Sulbactam natri tương đương: Ampicilin 2g; Sulbactam 1g	Visulin 2g/1g	VD-27150-17	Ampicilin 2g; Sulbactam 1g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 vỉ	Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT	
	10	37	Bacillus subtilis	BIOSUBTY L-II	QLSP-856-15	10 ⁷ -10 ⁸ CFU/250mg	Viên nang cứng	Vỉ 10 viên, hộp 10 vỉ	Uống	Viên	Công ty Cổ phần vắc xin và sinh phẩm Nha Trang	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT	

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

TH-2C1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Họat chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
11	65	Cefoperazon (dưới dạng Cefoperazon natri)	Viciperazol		VD-29214-18	1g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT
12	66	Cefoperazon (dưới dạng Cefoperazon natri) + Sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri)	Vibatazol		VD-19057-13	0,5g; 0,5g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT
13	80	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim natri)	Cefuroxim		VD-23727-15	1,5g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	81,00	ĐẠT	ĐẠT
14	225	Oxacilin (dưới dạng Oxacilin natri)	Oxacilin 1g		VD-31240-18	1g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT
15	273	Cao khô Silybum marianum (tương đương 70mg Silymarin) 156mg	Silymarin 70mg		VD-32934-19	Silymarin 70mg	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 15 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT

14 CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM CÁT THÀNH
NHÓM 4

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mũi thâu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thâu	Tên hàng hóa dự thâu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thâu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
1	181	Loxoprofen natri	Loxoprofen		GC-0183-12	60mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM CÁT THÀNH	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT

15 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHUÔNG DUY

NHÓM 4																			
STT	STT trong Hồ sơ mũi thâu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thâu	Tên hàng hóa dự thâu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thâu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
1	21	Alphachymotrypsin (tương ứng 4200 IU chymotrypsin USP)	Statrispine		VD-21117-14	4,2mg	Viên nén	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHUÔNG DUY	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	81,00	ĐẠT	ĐẠT
2	144	Gabapentin	Neuronstad		VD-26566-17	300mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHUÔNG DUY	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	81,00	ĐẠT	ĐẠT
3	200	Acetylcystein	Stacytine 200 GRA		VD-23357-15	Mỗi gói chứa: Acetylcystein 200mg	Cốm pha dung dịch uống	Hộp 20 gói x 3g	Uống	Gói	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHUÔNG DUY	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT
4	237	Paracetamol	Paratamol 325		VD-21536-14	325mg	Viên nén	Chai 200 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHUÔNG DUY	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT

16 CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀI AN

NHÓM 1																			
--------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HĨNH

TH-2C1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Họ/tên chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bao chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
1	296	Vancomycin (dưới dạng Vancomycin hydrochlorid)	Voxin		VN-20141-16	500mg	Bột đóng gói khô pha tiêm	Hộp 1 lọ	Tiêm	Lọ	Vianex S.A_Nhà máy C	Greece	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÁI AN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT

17 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẠCH NIÊN

NHÓM 1

1	166	Potassium chloride	Kaldyum		VN-15428-12	600mg	Viên nang giải phóng chậm	Hộp 1 lọ 50 viên	Uống	Viên	Egis Pharmaceutic als Private Limited Company	Hungary	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẠCH NIÊN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT
---	-----	--------------------	---------	--	-------------	-------	---------------------------	------------------	------	------	---	---------	-------------------------------------	-----	-----	-----	-------	-----	-----

18 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐẠI NAM

NHÓM 4

1	234	Paracetamol	Parazacol		VD-24866-16	1000mg/l	Dung dịch tiêm truyền	Lọ 100ml	Tiêm truyền	Lọ	Công ty cổ phần dược Trung ương 1 - Pharbaco.	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐẠI NAM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT
---	-----	-------------	-----------	--	-------------	----------	-----------------------	----------	-------------	----	---	----------	------------------------------	-----	-----	-----	-------	-----	-----

19 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG ANH

NHÓM 1

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH-2C1

BỆNH VIỆN CHÂN THƯỜNG CHÌNH HÌNH

STT	STT trong hồ sơ mới	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	
1	39	Bethahistin hydrochlorid	BETAHISTI NE BLUEPHA RMA	BETAHISTI NE BLUEPH ARMA (CS đóng gói: Bluepharm a-Industria Farmaceut ica, S.A (Fab. Coimbra). Địa chỉ: São Martinho do Bispo 3045-016 Coimbra Bồ Đào Nha)	VN-19442-15	16mg	Viên nén	hộp 6 vỉ x 10 viên	Uống	viên	Catalent Germany Schorndorf GmbH (FAB.Schorn dorf)	Germany	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG ANH	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT	
NHÓM 4																				
2	100	Cytidin-5'-disodium monophosphat + Uridin-5'-trisodium triphosphat	LEOLEN FORTE		VD-24814-16	5mg; 1.33mg	viên nang cứng	hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh Công ty Cổ Dược OPC tại Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG ANH	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT	
NHÓM 1																				
1	63	Cefepim (dưới dạng Cefepim dihydrochloride)	Cefeme 1g		VN-19241-15	1g	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ	Tiêm	Lọ	Medochemie Ltd. - Factory C	Cyprus	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VĂN XUÂN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	80,00	ĐẠT	ĐẠT	



17/87

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

TH-2CI

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
2	73	Ceftriaxon (dưới dạng Ceftriaxon natri)	Daytrix		VN-17223-13	1g	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ + 1 ống dung môi	Tiêm	Lọ	Laboratorio Farmaceutico C.T.s.r.l.	Italy	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM VẠN XUÂN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT
3	79	Cefuroxime natri	Danaroxime		VN-15270-12	1,5g Cefuroxim e	Bột pha dung dịch truyền	Hộp 10 lọ	Truyền tĩnh mạch	Lọ	Paupharma	France	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM VẠN XUÂN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT

NHÓM 2

4	248	Piperacillin (dưới dạng Piperacillin natri) 2g; Tazobactam (dưới dạng Tazobactam natri) 0,25g	Piperacillin/ Tazobactam Kabi 2g/0,25g	Piperacillin n/ Tazobactam Kabi 2g/0,25g (SX sản phẩm trung gian: Presentus Kabi Ipsum S.r.l; Địa chỉ: Loc. Masserie Armeri, 86077 Pozzilli (IS), Italy)	VN-21200-18	2g + 0,25g	Bột pha dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ, hộp 10 lọ	Tiêm truyền	Lọ	Labesfal-Laboratorios Almiró, SA	Portugal	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM VẠN XUÂN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	81,00	ĐẠT	ĐẠT
---	-----	---	--	--	-------------	------------	-------------------------------	---------------------	-------------	----	----------------------------------	----------	------------------------------------	-----	-----	-----	-------	-----	-----

21 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM THIÊN KIM

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Họạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)

NHÓM 1

1	113	Diclofenac Natri	Eliaria		VN-16829-13	75mg	Dung dịch tiêm	Hộp 2 vỉ x 5 ống	Tiêm	Ống	Medochemie Ltd Ampoule Injectable Facility	Cyprus	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM THIÊN KIM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
---	-----	------------------	---------	--	-------------	------	----------------	------------------	------	-----	--	--------	---	-----	-----	-----	-------	-----	-----

22 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ

NHÓM 1

1	59	Cetacor	CECLOR		VN-17626-14	250mg	Viên nang cứng	Hộp 1 vỉ x 12 viên	Uống	Viên	ACS Dobfar S.P.A.	Italy	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT
2	256	Promethazine hydrochloride	PIPOLPHE N		VN-19640-16	50mg/2ml	Dung dịch thuốc tiêm	Hộp 100 ống 2ml	Tiêm	Ống	Egis Pharmaceutic als Private Limited company	Hungary	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	81,00	ĐẠT	ĐẠT
3	294	Trolamine	BIAFINE		VN-9416-09	6,7mg/g	Nhũ tương bôi da	Hộp 1 ống 93g	Dùng ngoài	Tuýp	Janssen-Cilag	France	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT

23 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

NHÓM 1

1	232	Paracetamol	Paracetamol G.E.S 10mg/ml		VN-22309-19	10mg/ml	Dung dịch tiêm truyền	Túi 100ml	Tiêm truyền	Túi	Altam Pharmaceutic als, S.A.	Tây Ban Nha	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	81,00	ĐẠT	ĐẠT
---	-----	-------------	---------------------------	--	-------------	---------	-----------------------	-----------	-------------	-----	------------------------------	-------------	---	-----	-----	-----	-------	-----	-----

Mur
19/87

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỆNH VIỆN CHẨN THƯỜNG CHÍNH HÌNH

TH-2C1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
NHÓM 4																			
2	234	Paracetamol	Paracetamol 10mg/ml		VD-33956-19	10mg/1ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Túi 100ml	Tiêm truyền	Túi	Công ty TNHH Dược phẩm Allomed	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM CHÂU Á - THAI BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT

24 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMYD																			
NHÓM 1																			
1	232	Paracetamol (Acetaminophen)	Apotel max	Apotel max 10mg/ml Solution for Infusion	VN-21528-18	1000mg/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 1, 10, 20, 50 túi	Tiêm truyền	Túi	Uni-Pharma Kleon Tsetis Pharmaceutical Laboratories S.A	Greece	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMYD	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
2	242	Paracetamol + Tramadol hydroclorid	Ramlpsa		VN-22238-19	325mg; 37,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMYD	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT

NHÓM 2																			
3	61	Cephalothin (dưới dạng Cephalothin natri)	Tenafatin 1000		VD-23661-15	1000mg	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 ống nước cất pha tiêm 10ml	Tiêm	Lọ	Công ty Cổ Dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMYD	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
	4	Cefazidim	Zidimbiotic 1000	Zidimbiotic c 1000 (CSNQ: Labesfal Laboratori os Almitro S.A.- đ/c: 3465-157 Santiago de Besteiros, Portugal)	VD-19012-13	1g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ thuốc tiêm bột	Tiêm	Lọ	Công ty Cổ Dược Tenamyd	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMY D	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
	5	74	Ceftriaxon (dưới dạng Ceftriaxon natri)	Triaxobiotic 1000	VD-19010-13	1g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ thuốc tiêm bột	Tiêm	Lọ	Công ty Cổ Dược Tenamyd	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMY D	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
	6	77	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim natri)	Cefurofast 750	VD-19006-13	750mg	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ thuốc tiêm bột	Tiêm	Lọ	Công ty Cổ Dược Tenamyd	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMY D	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT

25 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)

NHOM 3



BỆNH VIỆN CHÂN THƯỜNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SBK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
1	191	Metformin HCl	Metformin 850		VD-27263-17	850 mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty CP Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHA R)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT

NHÓM 4

2	21	Alpha chymotrypsin	α-Chymotrypsin		VD-22580-15 (CV 10886/QL D-ĐK ngày 17/07/2020)	4200 IU	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHA R)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
3	30	Ampicillin (dưới dạng Ampicillin natri); Sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri)	Bipisyn		VD-23775-15	1g + 500 mg	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHA R)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
4	53	Mỗi 10ml chứa: Magnesi gluconat; Calci glycerophosphat	BICANMA		VD-22621-15 (CV gia hạn 10882/QL D-ĐK ngày 17/07/2020)	426mg + 456mg	Dung dịch uống	Hộp 20 ống x 10ml	Uống	Ống	Công ty CP Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHA R)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH-2C1

BỆNH VIỆN CHÂN THƯỜNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mới thầu	Họat chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
5	65	Cefoperazon (dưới dạng Cefoperazon natri)	Bifopezon 1g		VD-28227-17	1g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty CP Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHA R)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
6	66	Cefoperazon (dưới dạng Cefoperazon natri), Subactam (dưới dạng Subactam natri)	Sunewtam 1g		VD-27266-17	500 mg + 500 mg	Thuốc bột pha tiêm + 1 ống nước cất pha tiêm 10 ml	Hộp 1 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty CP Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHA R)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
7	70	Cefazidim (dưới dạng Cefazidim pentahydrat phối hợp với natri carbonat)	Bicefzidim 1g		VD-28222-17	1g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty CP Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHA R)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
8	75	Ceftaxxon (dưới dạng Ceftaxxon natri)	Ceftione 1g		VD-28233-17	1g	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty CP Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHA R)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỆNH VIỆN CHẨN THƯỜNG CHÍNH HÌNH

TH-2C1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
9	126	Eperison HCl	Waisan		VD-28243-17	50mg	Viên nén bao phim	Hộp 20 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty CP Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHA R)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
10	130	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol natri)	Esogas		VD-29952-18	40mg	Bột đóng gói pha tiêm	Hộp 1 lọ + 1 ống dung môi 5ml	Tiêm	Lọ	Công ty CP Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHA R)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
11	144	Gabapentin	Neucotic		VD-27264-17	300mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty CP Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHA R)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
12	167	Kem (dưới dạng Kem gluconat 70 mg)	Tozinax		VD-26368-17	10mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty CP Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHA R)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
13	186	Mecobalamin	Galammer		VD-28236-17	500mcg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty CP Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHA R)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
14	194	Methyl prednisolon (dưới dạng methyl prednisolon natri succinat)	Soli-Medon 125	Soli - Medon 125	VD-23777-15	125mg	Bột đóng gói nhỏ pha tiêm	Hộp 1 lọ + 1 ống nước cất pha tiêm 2ml	Tiền	Lọ	Công ty CP Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHA R)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
15	200	Mỗi gói 1g chứa: Acetylcystein	BifaCold		VD-25865-16	200 mg	Thuốc cốm	Hộp 30 gói x 1g	Uống	Gói	Công ty CP Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHA R)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
16	231	Paracetamol	Biragan 150		VD-21236-14 (CV gia hạn 10825/QL D ngày 01/07/2019)	150mg	Thuốc đạn	Hộp 2 vỉ x 5 viên	Đặt hậu môn	Viên	Công ty CP Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHA R)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT

HỒ CHÍ MINH

SỞ Y TẾ

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

TH-2C1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Họ/tên chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SBK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
17	236	Paracetamol	Biragan 300		VD-23136-15	300mg	Thuốc dạng viên	Hộp 2 vỉ x 5 viên	Đặt hậu môn	Viên	Công ty Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHA R)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
18	276	Sulfamethoxazol + Trimethoprim	Bidiseptol		VD-23774-15	400mg + 80mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 20 viên	Uống	Viên	Công ty Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHA R)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
19	283	Ticarcillin (dưới dạng Ticarcillin dinitrat) + Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat)	Bidicartin 1,6g	Bidicartin 1,6mg	VD-32999-19	1,5g + 0,1g	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiền	Lọ	Công ty Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHA R)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
20	297	Vancomycin (dưới dạng Vancomycin hydrochlorid)	Vancomycin 500 mg		VD-31300-18	500mg	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiền	Lọ	Công ty Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHA R)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT

BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
21	303	Acid Ascorbic	Bidicoorbic 500		VD-19842-13 (CV gia hạn: 21/031/QL D-ĐK ngày 17/12/2019)	500mg	Viên nang cứng	chai 100 viên	Uống	Viên	Công ty CP Dược-TIBYTT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHA R)	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT

26 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM PHƯƠNG LINH

NHÓM 1																			
STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
1	55	Calcitonin salmon	Rocalcic 50		VN-20345-17	50IU/ml	Dung dịch tiêm và pha truyền	Hộp 5 ống 1ml	Tiêm, truyền	Ống	Rotexmedica GmbH Arzneimittel werk	Đức	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM PHƯƠNG LINH	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
2	189	Meropenem (dưới dạng Meropenem trihydrate)	Tieparnem 1g		VN-18440-14	1 g	Bột pha dung dịch tiêm truyền	Lọ 1g, Hộp 10 lọ	Tiêm, truyền	Lọ	ACS Dobfar S.p.A	Italy	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM PHƯƠNG LINH	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT

27 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TÂY ÂU

NHÓM 1																			
STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
1	28	Ampicillin (dưới dạng ampicillin natri); Sulbactam (dưới dạng sulbactam natri)	Amna Power		VN-19857-16	1000mg; 500mg	Bột pha tiêm	Hộp 50 lọ	Tiêm	Lọ	S.C.Antibiotice S.A.	Romani	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TÂY ÂU	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT

28 CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM PVN



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

TH-2C1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Họ/t chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPKK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)

NHÓM 4

1	13	Acid tiaprofentic	Sunigam 100		VD-28968-18	100mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược Imexpharm	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM PVN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT
---	----	-------------------	-------------	--	-------------	-------	----------	--------------------	------	------	--------------------------------	----------	--	-----	-----	-----	-------	-----	-----

30 CÔNG TY TNHH BÌNH VIỆT ĐỨC

NHÓM 1																			
1	17	Human Albumin	Albumorm 250g/l		QLSP-1101-18	25g/100ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 1 chai 50ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Octapharma Pharmazeutika Produktionsg es. m.b.H	Áo	CÔNG TY TNHH BÌNH VIỆT ĐỨC	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT

32 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIÊN THẢO SÀI GÒN

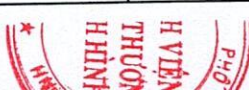
NHÓM 1																			
1	142	Fosfomyein sodium	Fosmicin for I.V. Use 1g		VN-13784-11	1g	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Meiji Seika Pharma, Co, Ltd	Nhật Bản	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIÊN THẢO SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
2	215	Sodium hyaluronate	Adant		VN-15543-12	25mg	Dung dịch tiêm	Hộp chứa 1 xy lanh đóng sẵn dung dịch tiêm	Tiêm	Ông/bv m tiêm	Tedec Meiji Pharma, SA (The Spanish Subsidiary of Meiji Seika Pharma Co. Ltd	Tây Ban Nha	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIÊN THẢO SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT

33 CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN

NHÓM 1																			
---------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÌNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Dường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
1	141	Fentanil (dưới dạng fentanil citrate)	FENTANYL -HAMELN 50MG/GML		VN-17326-13	50mcg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 2 ml	Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Đức	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT
2	196	Midazolam (dưới dạng Midazolam HCl)	MIDAZOLAM -HAMELN 5MG/GML		VN-16993-13	5mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 1 ml	Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Đức	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT
3	289	Tramadol hydroclorid	TRAMADOL L 100MG -ROTEXME DICA		VN-20614-17	100mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 2ml	Tiêm	Ống	Rotexmedica GmbH Arzneimittel werk	Đức	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT
NHÓM 4																			
4	130	Esomeprazol (dưới dạng bột đồng kết chứa Esomeprazol natri)	DULCERO		VD-19948-13	40mg	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần Dược Trung 1 Pharbaco	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT
5	135	Etoricoxib	ETOXIA		VD-34502-20	120mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Dược phẩm Hera	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

TH-2C1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
6	137	Etoricoxib	ETOXIA		VD-34504-20	60mg	Viên nén bao phim	Hộp 3vi x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Sinh dược phẩm Hera	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT
7	157	Ibuprofen	IBUPROFEE N200MG		VD-33357-19	200mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ Dược phẩm 2/9	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT
8	167	Kem (dưới dạng kem gluconat 70mg) 10mg	FARZINCO L		VD-27848-17	Kem (dưới dạng kem gluconat 70mg) 10mg	Viên nén	Hộp 10 vi x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ dược phẩm liên Pharmecic	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT
9	200	Acetylcystein	ACETYLC YSTEIN		VD-17864-12	200mg	Thuốc bột	Hộp 30 gói x 1g	Uống	Gói	Công ty Cổ Dược phẩm 2/9	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	81,00	ĐẠT	ĐẠT
10	237	Paracetamol	ACEMOL 325MG	ACEMOL	VD-16812-12	325mg	Viên nén	Hộp 40 vi x 10 viên nén	Uống	Viên	Công ty cổ dược phẩm 2/9	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
11	250	Povidon iod	POVIDON IOD 10%		VD-23647-15	Mỗi 8 ml chứa: Povidon iod 0,8g	Dung dịch dùng ngoài	Hộp 1 lọ 500 ml	Dùng ngoài	Lọ	Công ty dược phẩm Quảng Bình	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT
12	250	Povidon iod	POVIDINE	POVIDIN E 10%	VD-31097-18	Mỗi 8ml dung dịch chứa: Povidon iod 0,8g	Dung dịch dùng ngoài	Chai 500ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty dược phẩm dược liệu Pharmedic	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	81,00	ĐẠT	ĐẠT
13	251	Povidon iod	POVIDINE	POVIDIN E 10%	VD-31097-18	Mỗi 8ml dung dịch chứa: Povidon iod 0,8g	Dung dịch dùng ngoài	Chai 90ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty dược phẩm dược liệu Pharmedic	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	81,00	ĐẠT	ĐẠT
14	252	Povidon iod	POVIDINE	POVIDIN E 4%	VD-31645-19	Mỗi 500ml dung dịch chứa: Povidon iod 20g	Dung dịch dùng ngoài	Chai 800ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty dược phẩm dược liệu Pharmedic	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	81,00	ĐẠT	ĐẠT
15	255	Pregabalin	PREGABALA LIN	PREGAB ALIN 75	VD-33506-19	75mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ Dược Phong Chi nhánh nhà máy Usarichpharm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HĨNH

TH-2CI

STT	SIT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
16	297	Vancomycin (dưới dạng Vancomycin HCl)	VALBIVI 0,5G	VALBIVI 0,5G	VD-18365-13	500mg	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần Dược Trung Ương 1 - Pharbaco	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	81,00	ĐẠT	ĐẠT

34 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HẢI

NHÓM 1

1	4		14	Mỗi 250ml chứa:	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Hộp 10 chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	B Braun Melsungen AG	Germany	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HẢI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT
		Isolencaine; Leucine; Lysine (dưới dạng lysine HCl); Methionine; Phenylalanine; Threonine; Tryptophan; Valine; Arginine; Histidine; Alanine; Glycine; Aspartic acid; Glutamic acid; Proline; Serine; Tyrosine; Sodium acetate trilydrate; Sodium hydroxide; Potassium acetate; Magnesium chloride hexahydrate; Disodium phosphate dodecahydrate															

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ môn thầu	Họạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
2	6	Isoleucine; Leucine; Lysine (dưới dạng lysine HCl); Methionine; Phenylalanine; Threonine; Tryptophan; Valine; Arginine; Histidine; Alanine; Glycine; Aspartic acid; Glutamic acid; Proline; Serine; Tyrosine; Sodium acetate trihydrate; Sodium hydroxide; Potassium acetate; Sodium chloride; Magnesium chloride hexahydrate; Disodium phosphate dodecahydrate	Aminoplasman al B Braun 5% E		VN-18161-14	Mỗi 250ml chứa: 0,625g; 1,1125g; 0,8575g; 0,55g; 0,5875g; 0,525g; 0,20g; 0,775g; 1,4375g; 0,375g; 1,3125g; 1,50g; 0,70g; 0,90g; 0,6875g; 0,2875g; 0,10g; 0,34025g; 0,035g; 0,61325g; 0,241g; 0,127g; 0,89525g	Dung dịch truyền mạch	Hộp 10 chai truyền 250ml	tiêm truyền	Chai	B Braun Melsungen AG	Đức	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HẢI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

TH-2C1

STT	STT trong Hồ sơ mới	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
3	7	Isoleucine; Leucine; Lysine (dưới dạng lysine HCl); Methionine; Phenylalanine; Threonine; Tryptophan; Valine; Arginine; Histidine; Alanine; Glycine; Aspartic acid; Glutamic acid; Proline; Serine; Tyrosine; Sodium acetate trilydrate; Sodium hydroxide; Potassium acetate; Sodium chloride; Magnesium chloride hexahydrate; Disodium phosphate dodecahydrate	Aminoplasma al B.Braun 5% E		VN-18161-14	Mỗi 250ml chứa: 0,625g; 1,1125g; 0,8375g; 0,55g; 0,5875g; 0,525g; 0,20g; 0,775g; 1,4375g; 0,375g; 1,3125g; 1,50g; 0,70g; 0,90g; 0,6875g; 0,2875g; 0,10g; 0,34025g; 0,035g; 0,61325g; 0,241g; 0,127g; 0,89525g	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Hộp 10 chai 500ml	Tĩnh truyền	Chai	B.Braun Melsungen AG	Đức	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HẢI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT trong Hồ sơ mời thầu	STT	Họ và tên chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
4	10	Isoleucine, Leucine, Lysine Hydrochloride, Methionine, Phenylalanine, threonine, Tryptophan, Valine, Arginine glutamate, Histidine hydrochloride monohydrate, Alanine, Aspartic Acid, Glutamic Acid, Glycine, Proline, Serine, Magnesium acetate tetrahydrate, Sodium acetate trihydrate, Sodium chloride, Sodium hydroxide, Potassium hydroxide, Potassium Dihydrogen Phosphate, Glucose monohydrate, Calcium Chloride Dihydrate	Nutriflex Peri		VN-18157-14	40g; 80g	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Hộp 5 túi 1000ml	Tiêm truyền	Túi	B.Braun Medical AG	Switzerland	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HẢI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
5	212	Natri chloride + Kali chloride + Calci clorid dihydrate + Natri acetate trihydrate +Magnesi chloride hexahydrate + L-Malic acid	Ringerfundin		VN-18747-15	(3,4g + 0,15g + 0,19g + 1,64g + 0,1g + 0,34g)/500 ml	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 10 chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	B.Braun Melsungen AG	Germany	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HẢI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
6	220	Medium-chain Triglycerides + Soya-bean oil	Lipofundin Mc/Lct 20%		VN-16131-13	(10,0g; 10,0g)/100 ml	Nhũ tương tiêm truyền	Hộp 10 chai 100ml	Tiêm truyền	Chai	B. Braun Melsungen AG	Germany	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HẢI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HĨNH

TH-2C1

STT	STT trong Hồ sơ môi trường	Họ và tên chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
7	221	Medium-chain Triglycerides + Soybean Oil	Lipofundin Mc/Lct 20%		VN-16131-13	(10,0g; 10,0g)/100 ml	Nhũ tương tiêm truyền	Hộp 10 chai thủy tinh 250ml	Tiêm truyền	Chai	B Braun Melsungen AG	Đức	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HẢI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
8	257	Propofol	Propofol-Lipuro 0,5% (5mg/ml)		VN-22232-19	5mg/ml	Nhũ tương tiêm hoặc truyền	Hộp 5 ống thủy tinh 20ml	Tiêm truyền	Ống	B Braun Melsungen AG	Đức	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HẢI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT

35 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

NHÓM 4																			
--------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

1	46	Mỗi viên chứa 500mg calci dưới dạng: Calci carbonat + Calci lactat gluconat	Calcium VPC 500		VD-26778-17	300mg; 2,940mg	Viên nén sủi bọt	Hộp 1 tuýp 20 viên	Uống	Viên	Công Ty Cổ Phần Dược Cửu Long	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT
2	90	Celecoxib	Vicoxib 200		VD-19336-13	200mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên nang cứng	Uống	Viên	Công Ty Cổ Phần Dược Cửu Long	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT
3	241	Paracetamol + Codein phosphat hemihydrat	Panalgan Effer Codein		VD-31631-19	500mg; 30mg	Viên nén sủi bọt	Hộp 4 vỉ x 4 viên nén sủi bọt	Uống	Viên	Công Ty Cổ Phần Dược Cửu Long	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT
4	244	Paracetamol + Tramadol HCl	Dinalvic VP C		VD-18713-13	325mg; 37,5mg	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 10 viên nang cứng	Uống	Viên	Công Ty Cổ Phần Dược Cửu Long	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT

37 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DẪN

STT	STT trong hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)

NHÓM 3

1	83	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	Cefuroxime 250mg		VD-22939-15	250mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
---	----	--	------------------	--	-------------	-------	-------------------	---------------------	------	------	--------------------	----------	------------------------------------	-----	-----	-----	-------	-----	-----

NHÓM 4

2	51	Calci clorid dihydrat	Calci clorid 500mg/ 5ml		VD-22935-15	500mg/5ml	Dung dịch tiêm	Hộp 50 ống x 5ml	Tiêm	Ống	Công CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
3	62	Cerfenit	Midaxin 150		VD-12308-10	150mg	Viên nang	Hộp 1 túi x 2 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
4	66	Cefoperazon (dưới dạng Cefoperazon natri); Sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri)	Midapezon		VD-25725-16	0,5g; 0,5g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ loại dung tích 15ml	Uống	Lọ	Công CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
5	70	Ceftazidim (dưới dạng Ceftazidim pentahydrate)	Seftoramid		VD-24807-16	1g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ dung tích 20ml	Tiêm	Lọ	Công CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
6	86	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	Cefuroxime 500mg		VD-22940-15	500mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT

37/87

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

TH-2C1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Họ/tên chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bao chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
7	128	Adrenalin (Dưới dạng Adrenalin bitartrat) 1,0mg (tương đương 1,8mg)	Adrenalin 1mg/1ml		VD-31774-19	1mg/1ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 1ml	Tiêm	Ống	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
8	181	Loxoprofen natri	Loxoprofen 60mg		VD-30436-18	60mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
9	247	Phytomenadion	Vitamin K1 10mg/1ml		VD-25217-16	10mg/1ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 1ml	Tiêm	Ống	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
10	276	Sulfamethoxazol + Trimethoprin	Cotrimoxazo 1480mg		VD-24799-16	400mg; 80mg	Viên nén	Hộp 20 vỉ x 20 viên	Uống	Viên	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
11	278	Sulfamnicillin (dưới dạng Sulfamnicillin tosilat dihydrate)	Midactam 375		VD-26900-17	375mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 túi x 1 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
12	287	Tobramycin (dưới dạng Tobramycin sulfat)	Tobramycin 80mg/2ml		VD-28673-18	80mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 100 ống x 2ml	Tiêm	Ống	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HĨNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPVK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
13	292	Tranexamic acid	Tranexamic acid 250mg/5ml		VD-26911-17	250mg/5ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống x 5ml	Tiêm	Ông	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DAN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
14	302	Acid ascorbic	Vitamin C 500mg/5ml		VD-25216-16	500mg/5ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống x 5ml	Tiêm	Ông	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DAN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT

38 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2

NHOM 1

1	41	Bisoprolol fumarate	Concor Cor Tab 2,5mg 3x10's	Concor Cor	VN-18023-14	2,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CSSX: Merck Healthcare KGaA, CSDG: P&G Health Austria GmbH & Co. OG	CSSX: Đức, CSDG: Áo	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
2	42	Bisoprolol fumarate	Concor Tab 5mg 3x10'S	Concor 5mg	VN-17521-13	5mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CSSX: Merck Healthcare KGaA, CSDG: P&G Health Austria GmbH & Co. OG	CSSX: Đức, CSDG: Áo	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT
3	43	Budesonid	Pulnicort Respules 500mcg/2ml 20's	Pulnicort Respules	VN-19559-16	500mcg/2ml	Hãn dịch khí dùng dùng liều để hít	Hộp 4 gói x 5 ống đơn liều 2ml	Hít	Ông	AstraZeneca AB	Thụy Điển	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT

39/87



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯỜNG CHÍNH HĨNH

TH-2CI

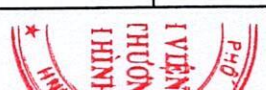
STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
4	55	Calcitonin cá hồi tổng hợp	Miacalcic Inj, 50IU/ml 1mlx5's	Miacalcic	VN-17766-14	50IU/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống x 1ml	Tiêm	Ống	Novartis Pharma Stein AG	Thụy Sĩ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
5	84	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	Xorimax 500mg Tab 10's	Xorimax 500mg	VN-20624-17	500mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Sandoz GmbH	Áo	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT
6	88	Celecoxib	Celebrex Cap 200mg 30's	Celebrex (đóng gói: R-Pharm GmbH; địa chỉ: Heinrich-Mack-Str. 35, 89257 Illertissen, Đức)	VN-20332-17	200mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Pfizer Pharmaceutical als LLC; đóng gói: R-Pharm Germany GmbH	Mỹ; đóng gói: Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT
7	94	Cisplatin	Cisplatin "Ebewe" 10mg/20ml 1's	Cisplatin "Ebewe"	VN-17424-13	0,5mg/ml	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ 20ml	Tiêm truyền	Lọ	Ebewe Pharma Ges.m.b.H.NF g.KG	Áo	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH-2C1

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mới thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra hồ sơ kỹ thuật	Đánh giá hồ sơ kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
8	104	Dexketoprofen (dưới dạng Dexketoprofen trometamol)	Sympal Inj 50mg 5x2ml	Sympal	VN2-404-15	50mg/2ml	Dung dịch tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch, truyền tĩnh mạch sau khi pha	Hộp 5 ống x 2ml	Tiêm	Ống	A. Menarini Manufacturing and Services S.r.l	Ý	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT
9	119	Purified, micronized flavonoid fraction (diosmin; Flavonoid expressed as hesperidin)	Daflon (L) Tab 500mg 60's	Daflon	VN-15519-12	Purified, micronized flavonoid fraction 500mg (450mg diosmin; 50mg Flavonoid expressed as hesperidin)	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 15 viên	Uống	Viên	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT



STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
10	143	Gabapentin	Neurontin Cap 300mg 100's	Neurontin (Nhà đóng gói và xuất xưởng: Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH, địa chỉ: Betriebsstätte Freiburg, Mooswaldallee 1, 79090 Freiburg, Federal Republic of Germany)	VN-16857-13	300mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Pfizer Pharmaceuticals LLC; xuất xưởng: Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	CSSX: Mỹ, đóng gói và xuất xưởng: DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT

BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ môn thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
11	147	Gelatin khan (dưới dạng gelatin biến tính); NaCl; Magnesi clorid hexahydrat; KCl; Natri lactat (dưới dạng dung dịch Natri (S)-lactat)	Geloplasma Inj 500ml Bagg 20's	Geloplasma a	VN-19838-16	Mỗi túi 500ml chứa: Gelatin khan (dưới dạng gelatin biến tính) 15g; NaCl 2,691g; Magnesi clorid hexahydrat 0,1525g; KCl 0,1865g; Natri lactat (dưới dạng dung dịch Natri (S)-lactat) 1,6800g	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 20 túi Polyolefine (freestax) 500ml	Tiêm truyền	Túi	Fresenius Kabi France	Pháp	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	81,00	ĐẠT	ĐẠT
12	176	Lidocain hydroclorid khan (dưới dạng Lidocain hydroclorid monohydrat)	Xylocaine Jelly Oin 2% 30g 10's	Xylocaine Jelly	VN-19788-16	2%	Gel	Hộp 10 tuýp x 30g	Dùng ngoài	Tuýp	Recipharm Kartskoga AB	Thụy Điển	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT
13	193	Methylprednisolone hemisuccinat	Solu-Medrol Inj 125mg 25's	Solu-Medrol Medrol	VN-15107-12	125mg	Bột vò khuôn pha tiêm	Hộp 25 lọ Act-O-vial 2ml	Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Lọ	Pharmacia & Upjohn Company	Mỹ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT



STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bảo chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	
14	220	Dầu đậu nành tinh chế; Triglycerid mạch trung bình; Dầu Oliu tinh chế; Dầu cá tinh chế	Smoflipid 20%/Inf 100ml 10's	Smoflipid 20%	VN-19955-16	100ml như tương chứa: dầu đậu nành tinh chế 6g; triglycerid mạch trung bình 6g; oliu tinh chế 5g; dầu cá tinh chế 3g	Nhũ tương truyền dầu tinh chế mạch	Thùng 10 chai 100 ml	Truyền mạch ngoài vi hoặc tĩnh mạch trung tâm	Chai	Presentus Kabi Austria GmbH	Áo	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG UONG2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	81,00	ĐẠT	ĐẠT	
15	221	Dầu đậu nành tinh chế; Triglycerid mạch trung bình; Dầu Oliu tinh chế; Dầu cá tinh chế	Smoflipid 20% inf 250ml 10's	Smoflipid 20%	VN-19955-16	100ml như tương chứa: dầu đậu nành tinh chế 6g; triglycerid mạch trung bình 6g; oliu tinh chế 5g; dầu cá tinh chế 3g	Nhũ tương truyền dầu tinh chế mạch	Thùng 10 chai 250 ml	Truyền mạch ngoài vi hoặc tĩnh mạch trung tâm	Chai	Presentus Kabi Austria GmbH	Áo	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG UONG2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	81,00	ĐẠT	ĐẠT
16	245	Perindopril Arginine	Coversyl Tab 5mg 30's	Coversyl 5mg	VN-17087-13	5mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 lọ 30 viên	Uống	Viên	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG UONG2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT	
17	249	Piparacilin (dưới dạng Piparacilin natri); Tazobactam (dưới dạng Tazobactam natri)	Tazocin Inj 4.5g	Tazocin 5mg	VN-20594-17	4g; 0,5g	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ	Truyền tĩnh mạch	Lọ	Wyeth Lederle S.r.l	Ý	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG UONG2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT	

44/87

BỆNH VIỆN CHẨN THƯỜNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Họ/tên chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
18	258	Propofol	Fresofol 1% Mct/Lct Inj 20ml 5s	Fresofol 1% MCT/LCT	VN-17438-13	1% (10mg/ml)	Nhũ tương để tiêm hoặc tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 5 ống 20ml	Tiêm hoặc tiêm truyền tĩnh mạch (TV)	Ống	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT
19	268	Recuronium bromide	Esmeron 50mg Via 10mg/ml 10s	Esmeron (Đông gói & xuất xứ): N.V. Organon, đ/c: Kloosterstr aat 6, 5349 AB Oss, Hà Lan)	VN-17751-14	10 mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 lọ x 5ml	Tiêm tĩnh mạch	Lọ	Sieglfried Hannein GmbH; đóng gói & xuất xứ: N.V. Organon	CSSX: Đức; đóng gói & xuất xứ: Hà Lan	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT
20	268	Recuronium bromide	Recuronium Kabi 10mg/ml Inj 10x5ml	Recuronium Kabi 10mg/ml	VN-18303-14	10mg/ml	Dung dịch tiêm, truyền tĩnh mạch	Hộp 10 lọ 5ml	Truyền tĩnh mạch	Lọ	Freseus Kabi Austria GmbH	Áo	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT
21	270	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfat)	Ventolin Nebules 2.5mg/ 2.5ml 6x5's	Ventolin Nebules	VN-20765-17	Mỗi 2,5ml chứa: Salbutamo 1 (dưới dạng Salbutamo 1 sulfat) 2,5mg	Dung dịch khí dung	Hộp 6 vỉ x 5 ống 2,5ml	Dùng cho máy khí dung	Ống	GlaxoSmithK line Australia Pty., Ltd.	Úc	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT
22	272	Secukinumab	Fraizeron 150mg	Fraizeron	QL.SP.H02-983-16	150mg	Bột pha dung dịch tiêm	Hộp 01 lọ	Tiêm	Lọ	Novartis Pharma Stein AG	Thụy Sĩ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT



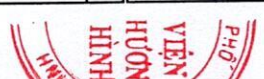
SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

TH-2C1

STT	STT trong Hồ sơ môn thầu	Họ/tên chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bảo chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
23	277	Sulfamnicilin Tosilat	Unasyn Tab 375mg 8s	Unasyn	VN-14306-11	375mg Sulfamnicillin	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 4 viên	Uống	Viên	Haupt Pharma Latina S.r.l	Ý	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	81,00	ĐẠT	ĐẠT
24	285	Poly (O-2-hydroxyethyl) starch (HES 130/0,4); Natri acetat trihydrate; Natri clorid; Kali clorid; Magnesi clorid hexahydrat	Volulyte 6% Bag 20s	Volulyte 6%	VN-19956-16	Mỗi túi 500ml chứa: Poly (O-2-hydroxyethyl) starch (HES 130/0,4) 30g; Natri acetat trihydrate 2,315g; Natri clorid 3,01g; Kali clorid 0,15g; Magnesi clorid hexahydrat 0,15g	Dung dịch truyền	Thùng 20 túi Polyolefine (freeflex) 500ml	Tiền truyền	Túi	Fresenius Kabi Deutschland GmbH	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT
25	288	Tocilizumab	Actemra 200mg 10ml Vial B/1	Actemra (Đông gôi: F. Hoffmann La Roche Ltd., địa chỉ: Kaiseraugs Switzerland)	VN-16257-13	200mg	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ 10ml	Tiền truyền	Lọ	Chugai Pharma Manufakturin g Co., Ltd; đông gôi: F. Hoffmann La Roche Ltd.	Nhật; đông gôi: Thủy Sỹ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ một thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
26	304	Acid Zoledronic khan (tương ứng 5,33 acid zoledronic monohydrate)	Aclasta 5mg/100ml Inf 100ml 1s	Aclasta (CSDG thứ cấp và xuất xưởng: Novartis Pharma Stein AG, địa chỉ: Schaffhaus erstasse, 4332 Stein, Thụy Sĩ)	VN-21917-19	Mỗi 100ml chứa: Acid Zoledronic khan (tương ứng 5,33 acid zoledronic monohydrate) 5mg	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Hộp 1 chai 100ml	Tiền truyền	Chai	CSSX và đóng gói sơ cấp: Fresenius Kabi Austria GmbH; xuất xưởng: Novartis Pharma Stein AG	CSSX và đóng gói sơ cấp: Áo; xuất xưởng: Thụy Sĩ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT
NHÓM 2																			
27	269	Rocuronium Bromide	Rocuronium Kabi 10mg/ml Inf 10x5ml	Rocuronium m Kabi 10mg/ml	VN-18303-14	10mg/ml	Dung dịch tiêm, truyền tĩnh mạch	Hộp 10 lọ 5ml	Truyền tĩnh mạch	Lọ	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT



STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
28	286	Poly (O-2-hydroxyethyl) starch (HES 130/0,4); Natri acetat trihydrate; Natri clorid; Kali clorid; Magnesi clorid hexahydrat	Volulyte 6% Bag 20's	Volulyte 6%	VN-19956-16	Mỗi túi 500ml chứa: Poly (O-2-hydroxyethyl) starch (HES 130/0,4) 30g; Natri acetat trihydrate 2,315g; Natri clorid 3,01g; Kali clorid 0,15g; Magnesi clorid hexahydrat 0,15g	Dung dịch truyền	Thùng 20 túi Polyole fine (freefle x) 500ml	Tiền truyền	Túi	Fresenius Kabi Deutschland GmbH	Đức	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT
NHÓM 4																			
29	5	Các acid amin	Aminosteril 10% 500ml 12s	Aminoster il 10%	VD-19242-13	10%	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 12 chai 500ml	Tiền truyền mạch (IV)	Chai	Công ty CP Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT
NHÓM 4																			
10 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN																			
NHÓM 4																			

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ môn thần	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
1	53	Calci glycerophosphat; Magnesi gluconat	A.T Calmax		VD-26104-17	Mỗi 10ml chứa: Calci glycerophosphat 456mg; Magnesi gluconat 426mg	Dung dịch uống	Hộp x 10 ml	Uống	Ông	Công ty Cổ Dược phẩm Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
2	156	Ibuprofen	A.T Ibuprofen syrup		VD-25631-16	100mg/5ml	Hỗn dịch uống	Hộp 1 chai x 60 ml	Uống	Chai	Công ty Cổ Dược phẩm Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
3	167	Kẽm (dưới dạng Kẽm gluconat)	A.T Zinc	Atizinc	VD-24740-16	10mg	Viên nén phân tán	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ Dược phẩm Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
4	194	Methyl prednisolon (dưới dạng Methyl prednisolon natri succinat)	Atisolu 125 inj		VD-25648-16	125mg	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 5 lọ thuốc + 5 ống dung môi. Ông dung mỗi 2 ml	Tiêm	Lọ	Công ty Cổ Dược phẩm Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
5	205	Natri clorid	Nước muối sinh lý Natri clorid 0,9 %	Nước muối sinh lý Natri clorid 0,9%	VD-32743-19	Mỗi 100ml dung dịch chứa: Natri clorid 900mg	Dung dịch uống ngoài	Chai 1000ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty Cổ Dược phẩm Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
6	206	Natri clorid	Nước muối sinh lý Natri clorid 0,9 %		VD-32743-19	Mỗi 100ml dung dịch chứa: Natri clorid 900mg	Dung dịch uống ngoài	Chai 500ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty Cổ Dược phẩm Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT

49/87

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HỊNH

TH-2/C1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SBK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
7	255	Pregabalin	Antivic 75		VD-26751-17	75mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẠM AN THIÊN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
8	282	Thioocolicosid	Aticoloid 4		VD-30301-18	4mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẠM AN THIÊN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT

41 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NGUYỄN ANH KHOA

NHÓM 4																			
--------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

1	103	Dexibuprofen	Meyerdelen		VD-30777-18	300mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Liên doanh Meyer -BPC	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NGUYỄN ANH KHOA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
2	204	Naproxen	Meyeproxen n 500		VD-31368-18	500mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Liên doanh Meyer -BPC	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NGUYỄN ANH KHOA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT

42 CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA

NHÓM 1																			
--------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

1	249	Pipracillin + Tazobactam	PIPERACIL LIN/TAZOBACTAM/KABI 4G/0,5G		VN-13544-11 (CV gia hạn 17947/QL D-ĐK ngày 18/10/2019)	4g + 0,5g	Bột đông khô pha tiêm hoặc tiêm truyền	Hộp 10 lọ	Tiêm hoặc truyền tĩnh mạch	Lọ	Labesfal - Laboratorios Almiral, S.A	Portugal	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
---	-----	--------------------------	---------------------------------------	--	--	-----------	--	-----------	----------------------------	----	--------------------------------------	----------	-----------------------	-----	-----	-----	-------	-----	-----

NHÓM 2


50/87

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mới	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra hình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá hình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
2	45	Calci (dưới dạng Calci lactat gluconat; Calci carbonat)	CALCIUM STELLA 500MG		VD-27518-17	2,940mg; 300mg	Viên nén sủi bọt	Hộp 1 tuýp x 20 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT
3	301	Vitamin C	VITAMIN C STADA 1G		VD-25486-16	1g	Viên nén sủi bọt	Hộp 4 vỉ x 4 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT

NHÓM 4

4	9	Mỗi 250 ml chứa: L-Isoleucin 0,6375g; L-Leucin 1,1125g; L-Lysin.HCl 0,875g; L-Methionin 0,475g; L-Phenylalanin 0,6375g; L-Theonin 0,5125g; L-Tytophan 0,225g; L-Valin 0,6g; L-Arginin HCl 1,15g; L-Histidin HCl 0,65g; Glycin 0,9875g; L-Alanin 1,7125g; L-Prolin 1,1125g; L-Aspartic acid 0,1625g; L-Asparagin.H2O 0,465g; L-Glutamic acid 0,375g; L-Omithin HCl 0,4g; L-Serin 0,3g; L-Tyrosin 0,075g	AMINOACI D KABI 5%	VD-25361-16	0,6375g; 1,1125g; 0,875g; 0,475g; 0,6375g; 0,5125g; 0,225g; 0,6g; 1,15g; 0,65g; 0,9875g; 1,7125g; 1,1125g; 0,1625g; 0,465g; 0,575g; 0,4g; 0,3g; 0,075g	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 chai x 500ml	Tiêm truyền mạch	Chai	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT
5	44	Calci carbonat + Calci gluconolactat	GONCAL	VD-20946-14	0,15g + 1,47g	Viên nén	Hộp/6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

TH-2C1

STT	STT trong Hồ sơ mới	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNNK	Hàm lượng	Dạng bảo chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
6	54	Calci lactat (dưới dạng Calci lactat pentahydrat)	A.T CALCIUM 300		VD-29682-18	300mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Thiên An	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT
7	93	Ciprofloxacin (dưới dạng ciprofloxacin lactat)	CIPROFLOXACIN KABI		VD-20943-14 (CV 5395/QLD-DK ngày 29/4/2020)	200mg/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai 100ml, hộp 48 chai 100ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
8	152	Glucose khan (dưới dạng Glucose monohydrat)	GLUCOSE 10%		VD-25876-16	Mỗi 100ml chứa 10g	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 20 chai 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT
9	153	Glucose khan	GLUCOSE 30%		VD-23167-15	30g/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 20 chai 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT
10	165	Kali clorid	KALI CLORID KABI 10%		VD-19566-13 (CV gia hạn: 9799/QLD-DK ngày 20/06/2019)	1g/10ml	Dung dịch tiêm	Hộp 50 ống x 10ml	Tiêm tĩnh mạch	Ống	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
11	171	Ketorolac tromethamin	KOZERAL		VD-18511-13	10mg	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vì Phú	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
12	177	Lidocain HCl	LIDOCAIN KABI 2%		VD-18804-13 (CV gia hạn: 5393/QLD-DK ngày 29/04/2020)	400mg/20ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 lọ x 20ml	Tiêm bắp - tiêm tĩnh mạch - Tiêm dưới da	Lọ	Công ty CP Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HĨNH

STT	STT trong Hồ sơ môn thần	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
13	182	Magnesi sulfat	MAGNESI SULFAT KABI 15%		VD-19567-13 (CV gia hạn: 9799/QLD-DK ngày 20/06/2019)	1,5g/10ml	Dung dịch tiêm	Hộp 50 ống x 10ml	Tiêm hoặc truyền tĩnh mạch	Ông	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
14	195	Metoclopramid hydroclorid	METOCLOPRAMID KABI 10MG		VD-27272-17	10mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 12 ống x 2ml	Tiêm tĩnh mạch - Tiêm bắp	Ông	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
15	207	Natri clorid	NATRI CLORID 0,9%		VD-21954-14 (CV gia hạn: 9799/QLD-DK ngày 20/06/2019)	0,9g/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 80 chai nhựa 100ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
16	209	Natri clorid	NATRI CLORID 0,9%		VD-21954-14 (CV gia hạn: 9799/QLD-DK ngày 20/06/2019)	0,9g/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 20 chai nhựa 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
17	210	Natri clorid	NATRI CLORID 3%		VD-23170-15	3g/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 80 chai 100ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
18	216	Natri bicarbonat	NATRI BICARBONAT 1,4%		VD-25877-16	Mỗi 100ml chứa: Natri bicarbonat 1,4g	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 20 chai 250ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

TH-2C1

STT	STT trong Hồ sơ mới đầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự đầu	Tên hàng hóa dự đầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự đầu	Kiểm tra tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
19	224	Nước cất pha tiêm	NƯỚC CÁT PHA TIÊM		VD-23172-15	500ml	Dung môi pha tiêm	Thùng 20 chai 500ml	Dùng môi pha tiêm	Chai	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
20	234	Paracetamol	PARACETAMOL MOOL KABI 1000		VD-19568-13 (CV gia hạn: 9799/QLD-ĐK ngày 20/06/2019)	1000mg/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai 100 ml, hộp 48 chai 100 ml	Tiêm truyền mạch	Chai	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
21	255	Pregabalin	MORITUS		VD-19664-13	75mg	Viên nang cứng	Hộp 6 vỉ x 14 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
22	264	Natri clorid; Kali clorid; Natri lactat; Calciclorid, 2H2O.	RINGER LACTATE		VD-22591-15 (CV gia hạn số: 5398/QLD-ĐK ngày 29/04/2020)	Mỗi 500ml chứa: Natri clorid 3g; Kali clorid 0,2g; Natri lactat 1,6g; Calciclorid 2H2O 0,135g	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 20 chai nhựa 500ml	Tiêm truyền mạch	Chai	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
23	265	Dextrose khan; Natri clorid; Kali clorid; Natri lactat; Calciclorid 2H2O.	LACTATED RINGERS AND DEXTROSE		VD-21953-14 (CV gia hạn số: 9799/QLD-ĐK ngày 20/06/2019)	(11,365g; 1,5g; 75mg; 750mg; 50mg) 500ml	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 20 chai 500ml	Tiêm truyền mạch	Chai	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT

[Handwritten signature]

BỆNH VIỆN CHẨN THƯỜNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mới thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau đấu thầu	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
24	302	Acid ascorbic	VITAMIN C KABI 500MG/5M L		VD-32121-19	500mg/5ml	Dung dịch tiêm	Hộp x 5ml	Tiêm tĩnh mạch - Tiêm bắp - tiêm dưới da	Ông	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Nam Việt	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT

43 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ƯC CHÂU

NHÓM 4																			
NUTRIOS																			
1	50	Calci carbonat +Cholecalciferon			VD-19150-13	750mg; 100IU	Viên nang mềm	Hộp 20 vỉ x 5 viên	Uống	Viên	Công ty Liên doanh dược phẩm Mebiphar - Austrapharm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM ƯC CHÂU	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT

44 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG

NHÓM 3																			
1	26	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicillin trihydrat); Acid clavulanic (dưới dạng Clavulanat kali)	Klimentin 875/125		VD-24618-16	875mg; 125mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 7 viên	Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	89,00	ĐẠT	ĐẠT

NHÓM 4																			
2	47	Calci (dưới dạng Calci carbonat); Vitamin D3 (dưới dạng Dry Vitamin D3 100 GFP)	Davia bone sugar free		VD-21556-14	600mg; 400IU	Viên nén sủi bọt	Hộp 1 tuyp 10 viên	Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
3	135	Etiotricoxib	Atocib 120		VD-29518-18	120mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯỜNG CHÍNH HÌNH

TH-2/C1

STT	STT trong Hồ sơ môi trường	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
4	137	Etoricoxib	Atocib 60		VD-29519-18	60mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy được phẩm DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
5	237	Paracetamol	Hapacol 325		VD-20559-14	325mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy được phẩm DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT

46 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

NHOM 4

1	2	Acid acetylsalicylic	ASPIRIN 81		VD-29659-18	81mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	Hộp 20 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	CN CPDP Agimexphar m - Nhà máy SX DP Agimexphar m	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT
2	18	Acid Alendronic (dưới dạng Alendronat natri trihydrat); Cholecalciferol (dưới dạng dung dịch Cholecalciferol 1M IU/g)	OSTA GI - D3		VD-28831-18	70mg + 2800IU	Viên nén	Hộp 1 vỉ x 4 viên	Uống	Viên	CN CPDP Agimexphar m - Nhà máy SX DP Agimexphar m	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT
3	87	Celecoxib	AGILECOX 100		VD-29651-18	100mg	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh công ty CPDP Agimexphar m - Nhà máy SX DP Agimexphar m	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

TH-2C1

STT	STT trong Hồ sơ mới thầu	Họat chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hạng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
4	126	Eperison HCL	EPEGIS		VD-23488-15	50mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh công ty CPDP Agimexphar m - Nhà máy SX Agimexphar m	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXP HARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT
5	131	Esomeprazol (dưới dạngesomeprazol magnesi trihydrat)	ESORAGIM		VD-28827-18	40mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh công ty CPDP Agimexphar m - Nhà máy SX Agimexphar m	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXP HARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT
6	137	Etoricoxib	AGIETOXI B 60		VD-31561-19	60mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh công ty CPDP Agimexphar m - Nhà máy SX Agimexphar m	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXP HARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT
7	144	Gabapentin	GAPTINEW		VD-27758-17	300mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh công ty CPDP Agimexphar m - Nhà máy SX Agimexphar m	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXP HARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT
8	157	Ibuprofen	AGIROFEN 200		VD-32777-19	200mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh công ty CPDP Agimexphar m - Nhà máy SX Agimexphar m	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXP HARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT



57/87

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

TH-2C1

STT	STT trong Hồ sơ mới	Họai chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
9	167	Kẽm (dưới dạng Kẽm gluconat)	ZINC 10		VD-22801-15	10mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh ty công nghiệp CPDP Agimexphar m - Nhà máy SX - Nhà máy DP Agimexphar m	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT
10	178	Linezolid	IDOMAGI		VD-30280-18	600mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh ty công nghiệp CPDP Agimexphar m - Nhà máy SX - Nhà máy DP Agimexphar m	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT
11	179	Lisinopril (dưới dạng Lisinopril dihydrat)	AGIMLISIN 10		VD-26721-17	10mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh ty công nghiệp CPDP Agimexphar m - Nhà máy SX - Nhà máy DP Agimexphar m	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT
12	199	Nabumeton	BUTOCOX 750		VD-32779-19	750mg	Viên nén bao phim	Hộp 03 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh ty công nghiệp CPDP Agimexphar m - Nhà máy SX - Nhà máy DP Agimexphar m	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT
13	200	Mỗi gói 1,6g chứa Acetylcystein 200mg	ACECYST		VD-23483-15	200mg	Thuốc bột uống	Hộp 30 gói x 1,6g	Uống	Gói	Chi nhánh ty công nghiệp CPDP Agimexphar m - Nhà máy SX - Nhà máy DP Agimexphar m	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SBK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
14	237	Paracetamol	ACETAB 325		VD-22437-15	325mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Cty CPDP Agimexphar m	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXP HARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT
15	251	Povidone Iodine	POVIDONE		VD-17882-12	10%	Dung dịch dùng ngoài	Chai nhựa HD chứa 90ml	Dùng ngoài	Chai	Cty CPDP Agimexphar m	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXP HARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT
16	262	Rifampicin	AGIFAMCI N 300		VD-14223-11	300mg	Viên nang	Hộp 10 vỉ x 10 viên nang	Uống	Viên	Cty Cổ phần Dược phẩm Agimexphar m	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXP HARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT
17	303	Acid ascorbic	AGI-VITAC		VD-24705-16	500mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh công ty CPDP Agimexphar m - Nhà máy SX Agimexphar m	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXP HARM	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT
47 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SONG VIỆT																			
NHÓM 3																			
1	107	Diacerein	Trioplin		VD-19806-13	50mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH BRY Healthcare	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SONG VIỆT	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
NHÓM 4																			



STT	STT trong Hồ sơ mới thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
2	50	Galai carbonat + Cholecalciferol	Calcid 1250		VD-9759-09	750mg + 100IU	Viên nang mềm	Hộp 20 vỉ x 5 viên	Uống	Viên	Công ty liên doanh được phân Mepharm Austrapharm	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SONG VIỆT	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT

48 CÔNG TY TNHH DÀ KIM VŨ

NHÓM 4																			
1	140	Febuxostat	Vocanz 80		QLDB-608-17	80mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Cty CP DP Trung Ương 2	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DÀ KIM VŨ	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	81,00	ĐẠT	ĐẠT

49 CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO

NHÓM 2																			
1	60	Cefaclor (dưới dạng Cefaclor monohydrat)	SCD Cefaclor 250mg		VD-26433-17	250mg	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần Pympharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHA RCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	81,00	ĐẠT	ĐẠT
2	69	Cefazidim (dưới dạng Cefazidim pentahydrat)	Cefazidime EG 1g	Cefazidim e EG 1g (CSNQ: EG LABO Laboratoire EuroGenerics, địa chỉ: "Le Quintet" Bat A, 12 rue Danjou 92517 Bouleigne Billancourt cedex France)	VD-25383-16	1g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ	Tiêm	Lọ	Công ty Cổ phần Pympharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHA RCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT

MW
60/87

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bao chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
3	77	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim natri)	Negacef 750mg		VD-20039-13	750mg	Thuốc bột pha lọ tiêm	Hộp 1	Tiêm	Lọ	Công ty Cổ phần Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHA RCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT
4	82	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	Negacef 250		VD-24965-16	250mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 viên x 5 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHA RCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT
5	85	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	Negacef 500		VD-24966-16	500mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 viên x 5 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHA RCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT

NHÓM 3

6	293	Trimetazidin HCl	Vaspycar MR		VD-24455-16	35mg	Viên nén bao phim phòng thich có kiểm soát	Hộp 2 viên x 30 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHA RCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
---	-----	------------------	-------------	--	-------------	------	--	----------------------	------	------	----------------------------	----------	-----------------------------	-----	-----	-----	-------	-----	-----

NHÓM 4

7	21	Alphachymotrypsin	α -Kiisin		VD-26436-17	4200 đơn vị USP	Viên nén	Hộp 10 viên x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHA RCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT
8	140	Febuxostat	Friburine 80mg		QLDB-686-18	80mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 viên x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHA RCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT
9	200	Mỗi gói 2g chứa: Acetylcystein 200mg	Acetylcystein EG 200mg		VD-24442-16	Mỗi gói 2g chứa: Acetylcystein 200mg	Thuốc cốm	Hộp 30 gói x 2g	Uống	Gói	Công ty Cổ phần Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHA RCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

TH-2/C1

STT	STT trong Hồ sơ mới	Họet chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
10	237	Acetaminophen	Tatanol children		VD-23861-15	325mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHA RCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT
11	261	Ranitidin (dưới dạng Ranitidin HCl)	Prijoiac		VD-29353-18	50mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống x 2ml	Tiền	Ống	Công ty Cổ phần Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHA RCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
12	273	Silymarin	Liverton 70		VD-15891-11	70mg	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHA RCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT
13	292	Acid tranexamic	Hanexic		VD-23838-15	250mg/5ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống 5ml	Tiền	Ống	Công ty Cổ phần Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHA RCO	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT

50 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI

NHÓM 2

1	125	Eperison hydroclorid	Savi Eperisone 50		VD-21351-14	50mg	viên nén bao phim	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Uống	viên	Công ty Cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	81,00	ĐẠT	ĐẠT
2	243	Paracetamol + Tramadol HCl	SaViParanol Plus		VD-21894-14	325mg; 37,5mg	viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	viên	Công ty Cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	81,00	ĐẠT	ĐẠT
3	267	Risedronat natri (dưới dạng Risedronat natri hemi-pentahydrat)	SaViRisone 5		VD-23013-15	5mg	viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	viên	Công ty Cổ phần dược phẩm Savi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	81,00	ĐẠT	ĐẠT

NHÓM 4

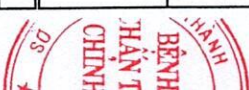
BỆNH VIỆN CHÂN THƯỜNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
4	21	Alphachymotrypsin	Alphachymotrypsin		VD-26250-17	4200 đơn vị USP	viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Uống	viên	Công ty Cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT
5	131	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol magnesi trihydrat)	SaVi Esomeprazol e 40		VD-28032-17	40mg	viên nén bao phim tan trong ruột	Hộp 2 vỉ x 7 viên	Uống	viên	Công ty Cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT
6	144	Gabapentin	SaVi Gabapentin 300		VD-24271-16	300mg	viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	viên	Công ty Cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT

52 CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG

NHÓM 1

1	12	L-Isoleucine + L-Leucine + L-Lysine acetat + L-Methionine + L-Phenylalanine + L-Threonine + L-Tryptophan + L-Valine + L-Alanine + L-Arginine + L-Aspartic acid + L-Glutamic acid + L-Histidine + L-Proline ...	Neoaminyu		VN-16106-13	6,1%	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Túi 200ml	Truyền tĩnh mạch	Túi	Ay Pharmaceutic als Co., Ltd	Nhật	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT
---	----	--	-----------	--	-------------	------	----------------------------	-----------	------------------	-----	------------------------------	------	--	-----	-----	-----	-------	-----	-----



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỆNH VIỆN CHẨN THƯỜNG CHÍNH HÌNH

TH-2C1

STT	STT trong Hồ sơ mới thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
2	17	Albumin người	Albumin 25% x 50ml	Albumin (Đông gói: 13 Grifols Biologicals Inc., địa chỉ: 13111 Temple Avenue City of Industry, CA 91746, USA)	VN-16274-13	25%	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Hộp 1 chai 50ml	Truyền tĩnh mạch	Chai	Grifols Biologicals Inc.	Mỹ	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT
3	40	Betamethasone (Betamethasone dipropionate); Betamethasone (dưới dạng Betamethasone disodium phosphate)	Diprospan		VN-22026-19	5mg/ml; 2mg/ml	Hỗn dịch để tiêm	Hộp 1 ống 1ml	Tiêm	Ống	Schering - Plough Labo N.V.	Bi	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	81,00	ĐẠT	ĐẠT
4	52	Magnesium gluconat; Calcium glycerophosphat	Fatig		VN-20359-17	Mỗi 10ml chứa: Magnesium gluconat 0,426g; Calcium glycerophosphat 0,456g	Dung dịch uống	Hộp 2 vỉ x 10 ống	Uống	Ống	Pharmatis	Pháp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT
5	58	Cao Ginkgo biloba; Troxerutin; Heptaminol hydrochloride	Ginkor Fort		VN-16802-13	14mg; 300mg; 300mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Beaufour Ipsen Industrie	Pháp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH-2C1

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
11	124	Enoxaparin natri	Gemapaxane		VN-16313-13	6000IU/0,6ml	Dung dịch tiêm	Hộp 6 bơm tiêm	Tiêm	Bom tiêm	Italfarmaco, S.p.A.	Y	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	80,00	ĐẠT	ĐẠT
12	158	Ifosfamide	Holoxan		VN-9945-10	1g	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ	Tiêm	Lọ	Baxter Oncology GmbH	Đức	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT
13	159	Insulin người rDNA (30% insulin hòa tan và 70% insulin isophane)	Mixard 30 FlexPen		QLSP-1056-17	300IU/3ml	Hỗn dịch tiêm	Hộp chứa 5 bút tiêm bơm sẵn thuốc x 3ml	Tiêm	Bút tiêm	Novo Nordisk Production S.A.S	Pháp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT
14	159	Mỗi 3ml chứa: Insulin người (30% Insulin hòa tan + 70% Insulin Isophan)	Humulin 30/70 Kwikpen		QLSP-1089-18	300IU	Hỗn dịch tiêm	Hộp 5 bút tiêm bơm chứa sẵn thuốc x 3ml	Tiêm	Bút tiêm	Lilly France	Pháp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT
15	160	Insulin glargine	Lantus SoloStar		QLSP-857-15	300IU/3ml	Dung dịch tiêm trong bút tiêm nạp sẵn	Hộp 5 bút tiêm x 3ml dung dịch tiêm nạp sẵn	Tiêm dưới da	Bút tiêm	Sanoft-Aventis Deutschland GmbH	Đức	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	85,00	ĐẠT	ĐẠT

66/87

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HĨNH

STT	STT trong Hồ sơ môn thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Dường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
16	161	Insulin Human	Actrapid		QLSP-1029-17	1000IU/10ml	Dung dịch tiêm	Hộp chứa 1 lọ x 10ml	Tiêm	Lọ	Novo Nordisk Production S.A.S	Pháp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BINH DUONG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT
17	162	Isoflurane	Aerrane 250ml	Aerrane	VN-19793-16	100%	Chất lỏng để bay hơi dùng gây mê đường hô hấp	Hộp 6 chai 250ml	Dạng hít	Chai	Baxter Healthcare Corporation	Mỹ	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BINH DUONG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
18	190	Mesna	Uromitexan	Uromitexan	VN-20658-17	400mg/4ml	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 15 ống x 4ml	Tiêm	Ống	Baxter Oncology GmbH	Đức	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BINH DUONG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT
19	217	Nefopam hydroclorid	Acupan	Acupan (Xuất xứ: Biocodex, địa chỉ: 1, Avenue Blaise Pascal-60000 Beauvais-France)	VN-18589-15	20mg	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống 2ml	Tiêm	Ống	Delpharm Tours; xuất xứ: Biocodex	Pháp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BINH DUONG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT

M...

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

TH-2C1

STT	STT trong Hồ sơ mới thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
20	222	Nicardipin hydrochlorid	Nicardipine Aguetant 10mg/10ml		VN-19999-16	10mg/10ml	Dùng dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 10 ống x 10ml	Tiêm truyền	Ống	Laboratoire Aguetant	Pháp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT
21	246	Phenylephrin (dưới dạng phenylephrin hydrochlorid)	Phenylephrine Aguetant 50 Microgram mes/ml		VN-21311-18	Mỗi 1ml dung dịch chứa: Phenylephrin (dưới dạng phenylephrin hydrochlorid) 50 mcg	Dùng dịch tiêm trong bơm tiêm đồng sẵn	Hộp 10 bơm tiêm sẵn x 10ml	Tiêm	Bơm tiêm	Laboratoire Aguetant	Pháp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT
22	253	Pregabalin	Bricka 75mg		VN-21655-19	75mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Balkanpharm a - Dupnitsa AD	Bulgaria	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	80,00	ĐẠT	ĐẠT
23	258	Propofol	Propofol-Lipuro 1% (10mg/ml)	Propofol-Lipuro 1% (10mg/ml)	VN-22233-19	10mg/ml	Nhũ tương hoặc tiêm truyền	Hộp 5 ống thủy tinh 20ml	Tiêm truyền	Ống	B-Braun Melsungen AG	Đức	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	81,00	ĐẠT	ĐẠT

BỆNH VIỆN CHẨN THƯỜNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ môn thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
24	285	Poly(O-2 hydroxyethyl) starch (HES); Natri clorid; Kali clorid; Calci clorid dihydrat; Magnesi clorid hexahydrat; Natri acetat trihydrat; Acid L-malic	Tetraspan 6% solution for infusion		VN-18497-14	Mỗi 250ml chứa: Poly (O-2 hydroxyet hyl) starch tinh (HES) 15g; Natri clorid 1,5625g; Kali clorid 0,075g; Calci clorid dihydrat 0,0925g; Magnesi clorid hexahydrat 0,05g; Natri acetat trihydrat 0,8175g; Acid L-malic 0,1675g	Dung dịch tiêm	Hộp 10 chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	B.Braun Medical AG	Thụy Sĩ	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VINEMEDIM EX BINH DUONG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT
NHÓM 2																			
25	269	Rocuronium bromid	Noveron		VN-21645-18	10mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 12 lọ 5ml	Tiêm	Lọ	PT Novell Pharmaceutical Laboratories	Indonesia	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VINEMEDIM EX BINH DUONG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	81,00	ĐẠT	ĐẠT



BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HĨNH

STT	STT trong Hồ sơ môn thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SĐK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
26	286	Poly(O-2 hydroxyethyl) starch (HES); Natri clorid; Kali clorid; Calci clorid dihydrat; Magnesi clorid hexahydrat; Natri acetat trihydrat; Acid L-malic	Tetraspan 6% solution for infusion		VN-18497-14	Mỗi 250ml chứa: Poly (O-2 hydroxyethyl) starch (HES) 15g; Natri clorid 1,5625g; Kali clorid 0,075g; Calci clorid dihydrat 0,0925g; Magnesi clorid hexahydrat 0,05g; Natri acetat trihydrat 0,8175g; Acid L-malic 0,1675g	Dung dịch tiêm truyền mạch	Hộp 10 chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	B.Braun Medical AG	Thụy Sĩ	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT
27	291	Acid tranexamic	Haemostop 250mg/5ml	Haemostop p	VN-21943-19	250mg/5ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống x 5ml	Tiêm	Ông	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	Indonesia	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	81,00	ĐẠT	ĐẠT

NHÓM 4

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH-2CI

BỆNH VIỆN CHÂN THƯỜNG CHỈNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mới	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
28	135	Etoricoxib	Flexidron 120		VD-21836-14	120mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT
29	137	Etoricoxib	Flexidron 60		VD-21270-14	60mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT
30	208	Natri clorid	Natri clorid 0,9% 1000ml	Dịch truyền tinh mach Natri clorid 0,9%	VD-32723-19	Mỗi 100ml chứa: Natri clorid 0,9g	Dung dịch truyền tinh mach	Chai 1000ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT
31	209	Natri clorid	Natri clorid 0,9% 500ml	Dịch truyền tinh mach Natri clorid 0,9%	VD-32723-19	Mỗi 100ml chứa: Natri clorid 0,9g	Dung dịch truyền tinh mach	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty TNHH B. Braun Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BÌNH DƯƠNG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT



STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SBK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
32	211	Natri clorid + Glucose (dưới dạng Glucose monohydrat)	Natri clorid 0,9% & GS% 500ml	Dịch truyền tinh mạch Natri clorid 0,9% & Glucose 5%	VD-29434-18	Mỗi 500ml dung dịch chứa: Natri clorid 4,5g; Glucose (dưới dạng Glucose monohydrat 27,5g)	Dung dịch truyền tinh mạch	Chai 500ml	Tiền truyền	Chai	Công ty TNHH B.Braun Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BINH DUONG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT
33	264	Natri clorid + Natri lactat+ Kali clorid+ Calci clorid. 2H2O	Ringer Lactat 500ml	Dịch truyền tinh mạch Ringer Lactat	VD-30059-18	Mỗi 500ml dung dịch chứa: Natri clorid 3g; tinh Natri lactat 1,56g; Kali clorid 0,2g; Calci clorid. 2H2O 0,135g	Dung dịch truyền tinh mạch	Chai 500ml	Tiền truyền	Chai	Công ty TNHH B.Braun Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BINH DUONG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT
NHÓM 5																			
34	136	Etoricoxib	Flexidron 120		VD-21836-14	120mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIM EX BINH DUONG	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT

53 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TPVN
NHÓM 1

BỆNH VIỆN CHÂN THƯỜNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mới thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Dường dùng	Đơn vị tính	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
1	91	Mỗi 1ml dung dịch chứa Ciprofloxacin (dưới dạng ciprofloxacin lactat) 2mg	Naloxin solution for infusion 200mg/100 ml		VN-20713-17	200mg/100ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 100ml, hộp 1 chai 100ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai/lọ /túi/ôn g	Cooper S.A. Pharmaceutical als	Hy Lạp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TPVN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT
2	175	Mỗi 1ml dung dịch chứa: Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat) 5mg	Levofloxacin n-cooper solution for infusion 500mg/100 ml		VN-21230-18	500mg	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 100ml, hộp 1 chai 100ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai/lọ /ôn/g/ô i	Cooper S.A. Pharmaceutical als	Hy Lạp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TPVN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT

S4 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC

NHOM 4																			
1	33	Atropin sulfat	Atropin Sulfat		VD-24897-16	0,25mg/1 ml	Dung dịch tiêm	Hộp 100 ống x 1ml	Tiêm	Ông	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
2	51	Calci clorid dihydrat (dưới dạng Calci clorid hexahydrat)	Calci Clorid		VD-24898-16	500mg/5ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 vỉ x 5 ống x 5ml	Tiêm tĩnh mạch	Ông	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
3	114	Diclofenac Natri	Diclofenac		VD-25829-16	75mg/3ml	Dung dịch tiêm	Hộp 1 vỉ x 10 ống x 3ml, Hộp 5 vỉ x 10 ống x 3ml	Tiêm	Ông	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
4	126	Eperison hydroclorid	Sisyrodine		VD-30602-18	50mg	Viên nén bao đường	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty dược phẩm Vinh Phúc	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
5	128	Mỗi 1ml chứa: Adrenalin 1mg	Adrenalin		VD-27151-17	1mg/1ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 vỉ x 10 ống x 1ml	Tiêm	Ống	Công ty dược phẩm Vinh Phúc	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
6	130	Esomeprazol (dưới dạngesomeprazol natri)	Vinxium		VD-22552-15	40mg	Thuốc tiêm bột đóng gói	Hộp 5 lọ + 5 ống dùng mỗi NaCl 0,9% 5ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Lọ	Công ty dược phẩm Vinh Phúc	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
7	165	Mỗi ống 10ml chứa: Kali clorid 1g	Kali Clorid 10%		VD-25324-16	1g/10ml	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 10 vỉ x 5 ống x 10 ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Ống	Công ty dược phẩm Vinh Phúc	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
8	194	Methylprednisolon (Dưới dạng Methylprednisolon natri succinat)	Vinsolon 125		VD-24345-16	125mg	Thuốc tiêm bột đóng gói	Hộp 5 lọ + 5 ống dùng mỗi 2ml, Hộp 10 lọ + 10 ống dùng mỗi 2ml	Tiêm	Lọ	Công ty dược phẩm Vinh Phúc	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HĨNH

STT	STT trong Hồ sơ mới thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPVK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
9	195	Metoclopramid HCl	Vincomid		VD-21919-14	10mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống 2ml	Tiêm	Ống	Công ty cổ phần dược Vĩnh Phúc	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
10	200	Mỗi gói 1,5g chứa: Acetylcystein 200mg	Vincysin 200		VD-29230-18	200mg	Thuốc cốm	Hộp 25 gói x 1,5g	Uống	Gói	Công ty cổ phần dược Vĩnh Phúc	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
11	227	Papaverin hydroclorid	Paparin		VD-20485-14	40mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 vỉ x 10 ống	Tiêm	Ống	Công ty cổ phần dược Vĩnh Phúc	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
12	247	Phytomenadion	Vinphyton 10mg		VD-28704-18	10mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 vỉ x 10 ống	Tiêm	Ống	Công ty cổ phần dược Vĩnh Phúc	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT
13	261	Ranitidin (dưới dạng Ranitidin HCL)	Vintex		VD-18782-13	50mg	Dung dịch tiêm	Hộp 2 vỉ x 5 ống x 2ml, hộp 5 vỉ x 10 ống x 2ml	Tiêm	Ống	Công ty cổ phần dược Vĩnh Phúc	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT
14	287	Tobramycin (dưới dạng Tobramycin sulfat)	Vinbrex 80		VD-33653-19	80mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 5 vỉ x 10 ống x 2ml	Tiêm	Ống	Công ty cổ phần dược Vĩnh Phúc	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	88,00	ĐẠT	ĐẠT



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

TH-2C1

STT	SIT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bao chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
15	292	Acid Tranexamic	Camnic		VD-28697-18	250mg/5ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 vỉ x 5 ống x 5ml	Tiêm	Ông	Công ty cổ phần dược Vĩnh Phúc	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	90,00	ĐẠT	ĐẠT

55 CÔNG TY TNHH DƯỢC TÂM ĐẠN

NHÓM 1																			
STT	SIT	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bao chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
1	91	Ciprofloxacin (dưới dạng Ciprofloxacin lactate)	Aristin-C		VN-21810-19	200mg/100ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Hộp 1 lọ 100ml	Truyền tĩnh mạch	Lọ	Anfarm hellas S.A	Greece	CÔNG TY TNHH DƯỢC TÂM ĐẠN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT
2	173	Mỗi 15 ml chứa: Lactulose 10g	Laevolac		VN-19613-16	10g/15ml	Dung dịch uống	Hộp 20 gói 15ml	Uống	gói	Fresenius Kabi Austria GmbH.	Austria	CÔNG TY TNHH DƯỢC TÂM ĐẠN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT
3	174	Leflunomide	Osblin 20mg	Osblin 20mg (Cơ sở xuất xứ: Delorbis Pharmaceuticals Ltd.; địa chỉ: 17 Athlon Street, Ergates Industrial Area, 2643 Ergates, P.O Box 28629, 2081 Lefkosta, Cyprus)	VN-19078-15	20mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 lọ 30 viên	Uống	Viên	CSSX: Haupt Pharma Munster GmbH, CSXX: Delorbis Pharmaceuticals Ltd	Germany	CÔNG TY TNHH DƯỢC TÂM ĐẠN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	81,00	ĐẠT	ĐẠT

56 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM B.H.C

NHÓM 1

76/87

BỆNH VIỆN CHÀN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
1	48	Calci carbonat + vitamin D3	BRIOZCAL		VN-22339-19	Calci (dưới dạng Calci carbonat 1.25g) 500mg; Vitamin D3 125IU	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Lipa Pharmaceutic als Ltd	Úc	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM B.H.C	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT

58 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VẠN CƯỜNG PHÁT

NHÓM 1																				
STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN	
1	41	Bisoprolol fumarat	Zantobiso 2.5mg		VN-17388-13	2.5mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Uống	Viên	Niche Generics Ltd.	Ireland	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VẠN CƯỜNG PHÁT	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT	
2	42	Bisoprolol fumarat	Zantobiso 5.0mg		VN-17389-13	5mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Uống	Viên	Niche Generics Ltd.	Ireland	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VẠN CƯỜNG PHÁT	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT	
3	253	Pregabalin	Revisca 75mg		VN-21725-19	75mg	Viên nang cứng	Hộp 4 vỉ x 14 viên	Uống	Viên	KRKA,D.D., Novo Mesio	Slovenia	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VẠN CƯỜNG PHÁT	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	80,00	ĐẠT	ĐẠT	
4	280	Tenoxicam	Bart		VN-21793-19	20mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Special Products line S.P.A	Italia	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VẠN CƯỜNG PHÁT	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	81,00	ĐẠT	ĐẠT	



77/87

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

TH-2/C1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Họ/tên chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNNK	Hàm lượng	Dạng bao chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)

NHÓM 4

5	27	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin natri) + subactam (dưới dạng subactam natri)	Viciamox 0,75g		VD-23728-15	0,5g; 0,25g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch, truyền tĩnh mạch	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VẠN CƯỜNG PHÁT	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT
---	----	---	----------------	--	-------------	-------------	--------------------	-----------	--	----	-------------------------------	----------	---------------------------------------	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----

59 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VẮC XIN THUẬN ĐỨC

NHÓM 4

1	155	Globulin kháng độc tố uốn ván	Huyết thanh kháng độc tố uốn ván tinh chế (SAT)		QLSP-1037-17	1500 đvqt	Dung dịch tiêm	Hộp 20 ống	Tiêm	Ống	Viện Vắc xin và sinh phẩm y tế (TVAC)	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VẮC XIN THUẬN ĐỨC	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT
---	-----	-------------------------------	---	--	--------------	-----------	----------------	------------	------	-----	---------------------------------------	----------	--	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----

60 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TBYT USS PHARMA

NHÓM 2

1	240	Paracetamol + Codein phosphat	Paratamol Codein efl		VD-14577-11	500mg + 30mg	Viên nén sủi bọt	Hộp 4 vỉ x 04 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - chi nhánh 1	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TBYT USS PHARMA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT
---	-----	-------------------------------	----------------------	--	-------------	--------------	------------------	--------------------	------	------	---	----------	---	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----

61 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI

NHÓM 1

1	17	Albumin	ALBUMIN AR 25		VN-13414-11	25%	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Hộp 1 chai 50 ml	Tiêm truyền	Chai	CSL Behring LLC	USA	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT
---	----	---------	---------------	--	-------------	-----	----------------------------	------------------	-------------	------	-----------------	-----	--	-----	-----	-----	-------	-----	-----	-----

MUS 7/8/87

BỆNH VIỆN CHÂN THƯỜNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
2	41	Bisoprolol fumarate	DIOPLOL 2,5		VN-19499-15	2,5mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Uống	Viên	Chanelle Medical	Ireland	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	87,00	ĐẠT	ĐẠT
3	122	Dopamin Hydrochloride	DOPAMINE HYDROCH LORIDE 4%		VN-18479-14	200mg/5ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 10 ống 5ml	Tiêm truyền	Ông	Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A.	Poland	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT
4	173	Một 15ml dung dịch chứa Lactulose (dưới dạng Lactulose concentrate) 10g	DUPHALA C 15ML	DUPHAL AC	VN-20896-18	10g/15ml	Dung dịch uống	Hộp 20 gói x 15ml	Uống	Gói	Abbott Biologicals B.V	Hà Lan	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
62 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA																			
NHÓM 1																			
1	108	Diazepam	Diazepam-Hameln 5mg/ml Injection		VN-19414-15	5mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống 2ml	Tiêm	Ông	Siegfried Hameln GmbH	Germany	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT
2	121	Dobutamine (dưới dạng Dobutamine Hydrochloride)	Dobutamine-Hameln 12,5mg/ml		VN-22334-19	12,5mg/ml	Dung dịch tiêm đặc để pha tiêm truyền	Hộp 5 ống x 20ml	Tiêm truyền	Ông	Siegfried Hameln GmbH	Germany	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT

STT	STT trong Hồ sơ môi trường	Họ/tên chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPVK	Hàm lượng	Dạng bao chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
3	197	Monobasic natri phosphat, Dibasic natri phosphat	Fleet Enema		VN-21175-18	Mỗi 118ml chứa: Monobasic natri phosphat 19g; Dibasic natri phosphat 7g	Dung dịch thực trực tràng	Hộp 1 chai 133ml.	Thực trực tràng	Chai	C.B Fleet Company Inc.	Mỹ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT
4	203	Naloxon HCl (dưới dạng Naloxone hydrochlorid dihydrat)	Naloxone-hamein Injection		VN-17327-13 (CV 20581/QL D-ĐK ngày 09/12/2020)	0,4mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống 1ml	Tiêm	Ống	Siegfried Hamein GmbH	Germany	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT
5	218	Neostigmin methylsulfat	Neostigmine-hamein		VN-22085-19	0,5mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống 1ml	Tiêm	Ống	Siegfried Hamein GmbH	Germany	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT
6	275	Sufentanil (dưới dạng Sufentanil citrate)	Sufentanil-hamein 50mcg/ml		VN-20250-17	50mcg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống 1ml	Tiêm	Ống	Siegfried Hamein GmbH	Germany	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT
7	289	Tramadol HCl	Tramadol-hamein 50mg/ml		VN-19416-15	50mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống 2ml	Tiêm	Ống	Siegfried Hamein GmbH	Germany	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT

NHÓM 4

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TH-2CI

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Họạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
8	5	Các axit amin	Ampiparen - 10	Ampiparen - 10	VD-15932-11 (CV gia hạn 229/QLD-BK ngày 10/01/2020)	Các axit amin	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT
9	9	Mỗi 200ml chứa: L-Tyrosin; L-Aspartatic acid; L-Glutamic acid; L-Serin; L-methionin; L-Histidin; L-Prolin; L-Threonin; L-Phenylalanin; L-Isoleucin; L-Valine; L-Alanine; L-Arginin; L-Leucine; Glycin; L-Lysin acetat; L-Tryptophan; L-Cystein	Ampiparen - 5	Ampiparen - 5	VD-28286-17	0,05g, 0,1g, 0,1g, 0,3g, 0,39g, 0,5g, 0,5g, 0,57g, 0,7g, 0,8g, 0,8g, 0,8g, 0,8g, 1,05g, 1,4g, 1,4g, 0,59g, 1,48g, 0,2g, 0,1g	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT
10	11	Mỗi 200ml chứa: L-Arginin HCl; L-Histidin.HCl.H2O; L-Methionin; L-Phenylalanin; L-Threonin; L-Valin; Glycin; L-Lysin HCl; L-Tryptophan; L-Leucine; L-Isoleucin; L-Prolin; L-Serin; L-Alanin; L-Cystein.HCl.H2O	Aminoleban	Aminoleban	VD-27298-17	1,46g, 0,64g, 0,2g, 0,2g, 0,9g, 1,68g, 1,8g, 1,52g, 0,14g, 2,2g, 1,8g, 1,6g, 1g, 1,5g, 0,08g	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT
11	18	Acid Alendronic (dưới dạng Alendronat Natri trihydrat) + Colecalciferol	Dronacalcii plus	Dronacalcii plus	VD-28724-18	70 mg, 2800 IU	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 4 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	81,00	ĐẠT	ĐẠT

81/87

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

TH-2C1

STT	STT trong Hồ sơ mới thân	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thân	Tên hàng hóa dự thân sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thân	Kiểm tra tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
12	109	Diazepam	Diazepam 10mg/2ml		VD-25308-16	Mỗi ống 2ml chứa: Diazepam 10mg	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 2ml	Tiêm	Ống	Chi nhánh Công ty cổ phần được phân phối Trung ương Vidiapha Bình Dương	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT
13	110	Diazepam	Diazepam 5mg		VD-24311-16	5mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Chi nhánh Công ty cổ phần được phân phối Trung ương Vidiapha Bình Dương	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT
14	130	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol natri)	A.T Esomeprazol 40 inj		VD-24727-16	40mg	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 5 lọ thuốc + 5 ống dung môi 5ml	Tiêm	Lọ	Công ty Cổ phần Dược An Thiên	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	80,00	ĐẠT	ĐẠT
15	152	Glucose (Dextrose)	Glucose 10%		VD-30703-18	10%	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT
16	155	Globulin kháng độc tố uốn ván	Huyết thanh kháng độc tố uốn ván tinh chế (SAT)		QLSP-1037-17	1500 đvt	Dung dịch tiêm	Hộp 20 ống, hai vỉ x 1500 đvt	Tiêm	Ống	Viện Vắc xin và sinh phẩm y tế (TVAC)	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	81,00	ĐẠT	ĐẠT

BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
17	178	Linezolid	Bichivi		VD-32385-19	600 mg	Viên nén bao phim	Vi 10 viên; hộp 3 vỉ	Uống	Viên	Công ty cổ phần Dược phẩm Phong Phú - Chi nhánh nhà máy Usarciphar m	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	81,00	ĐẠT	ĐẠT
18	198	Morphin hydroclorid	Morphin (Morphin hydroclorid 10mg/ml)		VD-24315-16	10mg/ml	Dung dịch tiêm	Hộp 25 ống x 1ml	Tiêm	Ống	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Binh Dương	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT
19	213	Mỗi 500ml chứa: Natri clorid ; Kali clorid ; Monobasic kali phosphat ; Natri acetat. 3H2O; Magne sulfat. 7H2O; Kẽm sulfat. 7H2O; Dextrose Anhydrous	Glucolyte -2	Glucolyte-2	VD-25376-16	1,955g; 0,375g; 0,68g; 0,68g; 0,316g; 5,76mg; 37,5g	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT
20	261	Ranitidin (dưới dạng Ranitidin hydroclorid)	A.T Ranitidine inj		VD-24133-16	50mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 2ml	Tiêm	Ống	Nhà máy sản xuất dược phẩm Thiên An	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT
21	264	Mỗi 500ml chứa: Calci clorid.2H2O 0,1g; Kali clorid 0,15g; Natri clorid 3g; Natri lactat 1,55g	Lactated Ringer's		VD-25377-16	0,1g; 0,15g; 3g; 1,55g	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT

STT	STT trong Hồ sơ mới thân	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SBK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tính hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
22	290	Tramadol HCl	Privagin		VD-19966-13 (CÔNG VẠN GIA HẠN SỐ 3133/QLD-ĐK NGÀY HẾT HẠN 01/04/2021)	100mg/2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 2ml	Tiêm	Ống	Chi nhánh công ty cổ phần được ương Vidipha Bình Dương	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	82,00	ĐẠT	ĐẠT

63 CÔNG TY TNHH DƯỢC KIM ĐỎ

NHÓM 1

1	64	Cefoperazon (dưới dạng cefoperazon natri)	Medocel 1g		VN-22168-19	Mỗi lọ chứa: Cefoperazon (dưới dạng cefoperazon natri) 1g	Bột pha tiêm	Hộp 50 lọ	Tiêm	Lọ	Medochemie Ltd. - Factory C	Cyprus	CÔNG TY TNHH DƯỢC KIM ĐỎ	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT
---	----	---	------------	--	-------------	---	--------------	-----------	------	----	-----------------------------	--------	--------------------------	-----	-----	-----	-------	-----	-----

64 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GOLDENLIFE

NHÓM 2

1	72	Ceftizoxim (dưới dạng Ceftizoxim natri)	ZOXIMCEF 1 G		VD-29359-18	1g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 tiêm	Tiêm	Lọ	Công ty Cổ phần Pympharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GOLDENLIFE	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	80,00	ĐẠT	ĐẠT
2	248	Hỗn hợp Piperacilin natri và Tazobactam natri tương đương: Piperacilin; Tazobactam	ZOBACTA 2,25G		VD-26853-17	2g, 0,25g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Tiêm	Lọ	Chi nhánh 3 - Công ty Cổ phần Dược Imexpharm tại Dương Bình	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GOLDENLIFE	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	80,00	ĐẠT	ĐẠT

BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
3	284	Hỗn hợp bột Ticarcilin dinatri và Clavulanat kali tương đương với: Ticarcilin, Acid clavulanic	TICARLIN AT 3,2G		VD-28959-18	3g; 0,2g	Thuốc bột pha tiêm truyền	Hộp 10 lọ	Truyền tĩnh mạch ngắt quãng, tiêm tĩnh mạch chậm	Lọ	Chi nhánh 3 - Công ty Cổ Dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GOLDENLIFE	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	80,00	ĐẠT	ĐẠT
4	295	Acid Ursodeoxycholic	SAVI URSO 300		VD-23009-15	300mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ Dược phẩm Savi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GOLDENLIFE	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	81,00	ĐẠT	ĐẠT
5	299	Vitamin B1 (Thiamin mononitrat); Vitamin B6 (Pyridoxin hydrochlorid); Vitamin B12 (dưới dạng Vitamin B12 0,1% SD)	SAVI 3B		VD-30494-18	100mg; 100mg; 150mcg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ Dược phẩm Savi	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GOLDENLIFE	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	80,00	ĐẠT	ĐẠT
NHÓM 3																			
6	107	Diacerein	GLASXINE		VD-17702-12	50mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ Dược phẩm SPM	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GOLDENLIFE	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	86,00	ĐẠT	ĐẠT
NHÓM 4																			

STT	SIT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bao chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	Kiểm tra tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Đánh giá tình hợp lệ về mặt kỹ thuật	Năng lực và kinh nghiệm	Điểm	Đánh giá kỹ thuật	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
7	283	Hỗn hợp bột Ticarcilin dinatri và Clavulanat kali tương đương với: Ticarcilin; Acid clavulanic	TICARLIN AT 1,6G		VD-28958-18	1,5g; 0,1g	Thuốc bột pha tiêm truyền	Hộp 10	Truyền tĩnh mạch ngắt quãng, tiêm tĩnh mạch chậm	Lọ	Chi nhánh 3 - Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm tại Dương Bình	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GOLDENLIFE	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT
8	300	Magnesi lactat dihydrat + vitamin B6	DEBOMIN		VD-22507-15	940mg; 10mg	Viên nén sủi	Hộp 1 tuyp 10 viên	Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GOLDENLIFE	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT

65 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2**NHÓM 4**

1	135	Etoricoxib	ZOSTOPAI N120		VD-22435-15	120mg	Viên nén bao phim	Hộp 3vi x 10viên	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	83,00	ĐẠT	ĐẠT
2	205	Natri Clorid	NATRI CLORID 0,9%		VD-26717-17	Mỗi 100ml chứa: Natri clorid 0,9g	Dung dịch dùng ngoài	Chai 1000ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT
3	206	Natri Clorid	NATRI CLORID 0,9%		VD-26717-17	Mỗi 100ml chứa: Natri clorid 0,9g	Dung dịch dùng ngoài	Chai 500ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2	ĐẠT	ĐẠT	ĐẠT	84,00	ĐẠT	ĐẠT

Tổng số sản phẩm đánh giá

: 428

Tổng số sản phẩm ĐẠT

: 366

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

TH-2C1

Ngày 28 Tháng 12 Năm 2020

TỔ TRƯỞNG TỔ CHUYÊN GIA

PHÓ GIÁM ĐỐC



HOÀNG MẠNH CƯỜNG



BẢNG TỔNG HỢP CÁC SẢN PHẨM KHÔNG ĐẠT KỶ THUẬT VÀ BỊ LOẠI

GÓI THẦU THUỐC GENERIC

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
2 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM MƯỜI THÁNG BA														
NHÓM 2														
1	254	Pregabalin	Neurolin-75		VN-20303-17	75mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Kopran Limited	India	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM MƯỜI THÁNG BA	Tiêu chuẩn cơ sở sản xuất thuốc EU-GMP đợt 56, STT 10 hết hạn 30/9/2018 (thuốc không rõ trạng không chứa kháng sinh nhóm beta lactam: viên nang cứng); WHO-GMP đợt 12 STT 965 hết hạn 31/10/202022 (Thuốc không rõ trạng không chứa kháng sinh nhóm Betalactam: Viên nang cứng). Vậy, tiêu chuẩn GMP của nhà sản xuất không phù hợp dự thầu vào nhóm 2.
4 CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM KHANG HUY														
NHÓM 1														
1	253	Pregabalin	Brieka 75mg		VN-21655-19	75mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Balkanpharma-Dupnitsa AD	Bulgaria	CÔNG TY TNHH MẠI DƯỢC PHẨM KHANG HUY	KHÔNG ĐẠT ĐIỂM KỶ THUẬT
NHÓM 2														
2	291	Tranexamic acid	Tranexamic Acid injection		VN-16056-12	250mg/5ml	Thuốc tiêm	Hộp 10 ống x 5ml	Tiêm	Ống	Siu Guan Chem Ind Co., Ltd.	Taiwan	CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM KHANG HUY	"BẢNG TIÊU CHUẨN DANH GIẢ KỶ THUẬT" không quy định điểm số cho đây chuyển sản xuất PIC/s-GMP
5 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC														
NHÓM 1														
1	79	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim natri)	Nipogalin 1500mg		VN-22323-19	1500m g	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ	Tiêm	Lọ	Anfarm S.A	Hellas Hy Lạp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	KHÔNG ĐẠT ĐIỂM KỶ THUẬT

BẢNG TỔNG HỢP CÁC SẢN PHẨM KHÔNG ĐẠT KỶ THUẬT VÀ BỊ LOẠI

GÓI THẦU THUỐC GENERIC

STT	STT trong Hồ sơ môi trường	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
2	88	Celecoxib	Cofdec 200mg		VN-16821-13	200mg	viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Uống	viên	Lek Pharmaceutical s.d.d,	Slovenia	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG BỨC	KHÔNG ĐẠT ĐIỂM KỶ THUẬT
3	117	Mỗi ống 2ml chứa: Digoxin 0,5mg	Digoxin/Anfar m		VN-21737-19	0,5mg/ 2ml	Dung dịch tiêm	Hộp 6 ống x 2ml	Tiêm	Ống	Anfarm Hellas S.A	Hý Lạp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG BỨC	KHÔNG ĐẠT ĐIỂM KỶ THUẬT
NHÓM 4														
6 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC														
1	204	Naproxen natri	NAPROFAR		VD-19337-13	550mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công Ty Cổ Phần Dược Liệu Pharmedic	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC	Hàm lượng hoạt chất của sản phẩm tham dự thầu không đúng với hàm lượng hoạt chất của hồ sơ môi trường.
NHÓM 2														
7 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC ANH														
1	57	Calcitriol	Orkan SoftCapsule		VN-20486-17	0,25mc g	Viên nang mềm	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Young Pharma. Co.,Ltd	Korea	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC ANH	Không tra cứu được tiêu chuẩn GMP của nhà sản xuất trong DANH SÁCH TỔNG HỢP CƠ SỞ SẢN XUẤT THUỐC, NGUYỄN LIÊU LAM, THUỐC TẠI NƯỚC NGOÀI ĐÁP ỨNG GMP (gập nhật đến 16/12/2020).
NHÓM 2														
10 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC NEWSUN														

BẢNG TỔNG HỢP CÁC SẢN PHẨM KHÔNG ĐẠT KỶ THUẬT VÀ BỊ LOẠI

GÓI THẦU THUỐC GENERIC

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	305	Acid zoletronic anhydrous (dưới dạng Zoletronic acid monohydrat)	Zoltonar		VN-20984-18	Mỗi 100ml dung dịch chứa: Acid Zoletronic anhydrous (dưới dạng Zoletronic acid monohydrat) 5mg	Dung dịch truyền mạch	Hộp 1 chai 100ml	Tiền truyền	Chai	Idol Ilae Dolun Sanayii Ticaret A.S	Turkey	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHÂN TRUNG NEWSUN	Danh sách tổng hợp cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc tại nước ngoài đáp ứng GMP (cập nhật đến 17/12/2020): Nhà sản xuất chưa được công bố tiêu chuẩn GMP
NHÓM 2														
13 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHÂN TRUNG ƯƠNG CPC1														
NHÓM 2														
1	125	Eperison hydroclorid	Epecore Tab.		VN-209501-17	50mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Kyung Dong Pharm Co., Ltd.	Korea	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHÂN TRUNG ƯƠNG CPC1	Bảng điểm kỹ thuật của sản phẩm không quy định điểm cho đây chuyên sản xuất đạt PIC/S-GMP.
2	243	Acetaminophen + Tramadol hydrochlorid	Kotisol		VN-19645-16	325mg; 37,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên, hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Withus Pharmaceutical Co., Ltd	Korea	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHÂN TRUNG ƯƠNG CPC1	Bảng điểm kỹ thuật của sản phẩm không quy định điểm cho đây chuyên sản xuất đạt PIC/S-GMP.

14 CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM CÁT THÀNH

NHÓM 5



BẢNG TỔNG HỢP CÁC SẢN PHẨM KHÔNG ĐẠT KỸ THUẬT VÀ BỊ LOẠI

GỢI THẦU THUỐC GENERIC

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SBK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	170	Ketoprofen	Ketefeneci		VN-10018-10	30mg/miếng dán	Cao dán	Hộp 20 gói x 07 miếng (7cm x 10cm)	Dán trên da	Miếng	Jell Health Science Inc	Hàn Quốc	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM CÁT THÀNH	Bảng điểm kỹ thuật của sản phẩm không quy định điểm cho đây chuyên sản xuất đạt PIC/S-GMP.

15 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHUÔNG DUY

NHÓM 2	
1	20

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SBK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	KẾT LUẬN
1	20	Alphacymotyprsin (tương ứng 4200 IU cymotyprsin USP)	Statrupsine		VD-21117-14	4,2mg	Viên nén	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHUÔNG DUY	KHÔNG ĐẠT ĐIỂM KỸ THUẬT
2	120	Phân đoạn flavonoid vi hạt tinh chế tương ứng với: Diosmin; Các flavonoid biểu thị bằng hesperidin	Diosmin 500		VD-22349-15	Diosmin 450mg; Các flavonoid biểu thị bằng hesperidin	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHUÔNG DUY	KHÔNG ĐẠT ĐIỂM KỸ THUẬT
3	180	Losartan kali	Losiad T25		VD-21534-14	25mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KHUÔNG DUY	KHÔNG ĐẠT ĐIỂM KỸ THUẬT

17 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẠCH NIÊN

NHÓM 1	
1	143

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SBK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	KẾT LUẬN
1	143	Gabapentin	Tebantin 300mg		VN-17714-14	300mg	Viên nang cứng	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Gedeon Richter Plc.	Hungary	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẠCH NIÊN	KHÔNG ĐẠT ĐIỂM KỸ THUẬT

[Signature]
4/17

BẢNG TỔNG HỢP CÁC SẢN PHẨM KHÔNG ĐẠT KỸ THUẬT VÀ BỊ LOẠI

GÓI THẦU THUỐC GENERIC

STT	STT trong Hồ sơ môi thầu	Họ/tên chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
NHÓM 2														
2	185	Mecobalamin	Kononaz Tab		VN-16548-13	0,5mg	Viên nén bao đường	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Korea Pharma Co., Ltd.	Korea	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẠCH NIÊN	Công thông tin điện tử Cục Quản lý Dược (http://www.dav.gov.vn), công bố từ đợt 1 đến đợt 11 (cập nhật đến ngày 12/11/2020): đây chuyên sản xuất thuốc của nhà sản xuất thuốc tham dự thầu không được công bố đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP
NHÓM 2														
1	243	Acetaminophen + Tramadol hydroclorid	Yuraf tab.		VN-21441-18	325mg + 37,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	KMS Pharm. Co., Ltd.	Korea	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐẠI NAM	Công bố trên công thông tin điện tử Cục Quản lý Dược (DAV) từ đợt 1 đến đợt 11 không có công bố cho nhà sản xuất "KMS Pharm. Co., Ltd. - Korea".
22 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ														
NHÓM 1														
1	99	Cytidine-5'-monophosphate disodium (CMP, muối dinatri); Uridine-5'-triphosphat trisodium (UTP, muối natri)+ Uridine-5'-diphosphat disodium (UDP, muối dinatri) + Uridine-5'-monophosphate disodium (UMP, muối natri)	NUCLEO CMP FORTE		VN-18720-15	10mg; 2,660mg g	Bột đóng gói và dung môi pha tiêm	Hộp 3 ống bột và 3 ống dung môi 2ml	Tiêm	Ống	Ferrer Internacional S.A	Tây Ban Nha	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	KHÔNG ĐẠT ĐIỂM KỸ THUẬT
29 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM MINH KHANG														
NHÓM 5														



BẢNG TỔNG HỢP CÁC SẢN PHẨM KHÔNG ĐẠT KỶ THUẬT VÀ BỊ LOẠI

GỎI THẦU THUỐC GENERIC

STT	STT trong Hồ sơ mới thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	111	Diclofenac	DICLOFCARE		VN-8927-09 (CV gia hạn 13905/QLD-DK ngày 19/7/2018)	1% diclofenac sodium	Thuốc dùng ngoài	Hộp 1 tuyp nhôm 30g	Dùng ngoài	Tuyp	Symmedic Laboratories	India	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM MINH KHANG	Công thông tin điện tử Cục Quản lý dược (http://www.dav.gov.vn) công bố từ đợt 1 đến đợt 11 (cập nhật đến ngày 12/11/2020): đây chuyên sản xuất thuốc của nhà sản xuất thuốc tham dự thầu không có công bố đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP.

31 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KOVINA

NHÓM 2														
1	214	Natri hyaluronat	Hyasyn Forte		VN-16906-13 (CÔNG VẤN GIA HẠN SDK ĐẾN 23/08/2020)	20mg/2 ml	Thuốc tiêm	Hộp 3 bơm tiêm nạp sẵn 2ml	Tiêm	Bơm tiêm	Shim Poong Pharm Co., Ltd.	Hàn Quốc	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KOVINA	Bảng điểm kỹ thuật của sản phẩm không quy định điểm cho đây chuyên sản xuất đạt PIC/S-GMP.

33 CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN

NHÓM 2														
1	243	Mỗi viên chứa: Paracetamol, Tramadol HCl	DUOCEITZ		VN-21625-18	325mg, 37,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Mega Lifesciences Public Company Limited	Thái Lan	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	Bảng điểm kỹ thuật của sản phẩm không quy định điểm cho đây chuyên sản xuất đạt PIC/S-GMP.
2	291	Acid Tranexamic	DRENSA INJ 50MG/ML		VN-21053-18	250mg/5ml	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống 5ml	Tiêm	Ống	Ta Fong Pharmaceutical Co., Ltd	Đài Loan	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	Bảng điểm kỹ thuật của sản phẩm không quy định điểm cho đây chuyên sản xuất đạt PIC/S-GMP.

NHÓM 4

3	204	Naproxen natri	NAPROFAR		VD-19337-13	Naproxen natri 550mg	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Công ty dược phẩm được hiệu Pharmedic	Việt Nam	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	Hàm lượng hoạt chất dự thầu không phù hợp với hàm lượng hoạt chất trong HSMT
---	-----	----------------	----------	--	-------------	----------------------	-------------------	--------------------	------	------	---------------------------------------	----------	--	--

MVT
6/17

BẢNG TỔNG HỢP CÁC SẢN PHẨM KHÔNG ĐẠT KỸ THUẬT VÀ BỊ LOẠI

GỎI THẦU THUỐC GENERIC

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)

36 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠI PHÁT

NHÓM 1														
1	67	Cefoperazon (dưới dạng Cefoperazon natri) + Sulbactam (dưới dạng Sulbactam Natri)	Basulam		VN-18017-14	Cefoper azon natri) 1g; Sulbact am (dưới dạng Sulbact am Natri) 1g	Bột pha tiêm bắp, tĩnh mạch	Hộp 1 lọ bột pha tiêm	Tiêm bắp	Lọ	Medochemie Ltd.- Factory C	Cyprus	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠI PHÁT	KHÔNG ĐẠT ĐIỂM KỸ THUẬT

38 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2

NHÓM 1														
1	166	Kali chlorid	Kaleorid Tab 600mg 30's	Kaleorid	VN-15699-12	600mg	Viên bao phim giải phóng chậm	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Leo Pharmaceutical Products Ltd. (Leo Pharma A/S)	Dan Mạch	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	Phạm vi chứng nhận của Nhà sản xuất không phù hợp với dạng bào chế của sản phẩm dự thầu.

39 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM SANG

NHÓM 1														
1	24	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrat); Acid clavulanic (dưới dạng clavulanat Kali)	Curam 1000mg Tab 10x8's	Curam 1000mg	VN-18321-14	875mg; 125mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 8 viên	Uống	Viên	Lek Pharmaceutical s.d.d	Slovenia	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM SANG	Cơ sở sản xuất Lek Pharmaceuticals d.d không có phạm vi chứng nhận "viên nén bao phim" cho hoạt chất chứa kháng sinh nhóm Penicillin.

[Signature]
7/17

HỒ CHÍ MINH



BẢNG TỔNG HỢP CÁC SẢN PHẨM KHÔNG ĐẠT KỶ THUẬT VÀ BỊ LOẠI

GÓI THẦU THUỐC GENERIC

STT	STT trong Hồ sơ mới thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)

42 CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA

NHÓM 2

1	254	Pregabalin	REGABIN 75		VN-20016-16	75mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Macleods Pharmaceuticals Ltd.	Ấn Độ	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	Công thông tin điện tử Cục Quản lý dược (http://www.dav.gov.vn) công bố từ đợt 1 đến đợt 11 (cập nhật đến ngày 12/1/2020): đây chuyên sản xuất thuốc của nhà sản xuất tham dự thầu không có công bố đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP.
---	-----	------------	------------	--	-------------	------	----------------	--------------------	------	------	-------------------------------	-------	-----------------------	---

44 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG

NHÓM 2

1	20	Chymotrypsin (tương đương 4200 USP unit)	AlphadHG		VD-20546-14	21 microkatal	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Uống	viên	CTCP Hậu Giang Dược - CN nhà máy được phẩm DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	Danh sách các cơ sở trong nước đạt tiêu chuẩn nguyên tắc GMP (cập nhật tới ngày 07/12/2020): Tiêu chuẩn Nhà sản xuất là Japan-GMP, chưa được Cục QLDD công bố tương đương EU-GMP.
---	----	--	----------	--	-------------	---------------	----------	--------------------	------	------	--	----------	--------------------------------	---

45 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NGUYỄN GIA

NHÓM 2

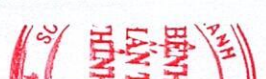
1	125	Eperison hydroclorid	Seodurotic Tab.		VN-18544-14	50mg	Viên bao đường	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Kyung Dong Pharm Co., Ltd.	Hàn Quốc	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NGUYỄN GIA	Bảng điểm kỹ thuật của sản phẩm không quy định điểm cho đây chuyên sản xuất đạt PIC/S-GMP.
2	243	Acetaminophen + Tramadol hydroclorid	Kotisol		VN-19645-16	325mg; 37,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Withus Pharmaceutical Co., Ltd	Hàn Quốc	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NGUYỄN GIA	Bảng điểm kỹ thuật của sản phẩm không quy định điểm cho đây chuyên sản xuất đạt PIC/S-GMP.
3	254	Pregabalin	Torgabalin 75		VN-20106-16	75mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Torrent Pharmaceutical s Ltd.	Ấn Độ	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NGUYỄN GIA	KHÔNG ĐẠT ĐIỂM KỸ THUẬT

Handwritten signature
8/17

BẢNG TỔNG HỢP CÁC SẢN PHẨM KHÔNG ĐẠT KỸ THUẬT VÀ BỊ LOẠI

GÓI THẦU THUỐC GENERIC

STT	STT trong Hồ sơ môi trường	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
49 CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO														
NHÓM 1														
1	73	Ceftriaxon (dưới dạng Ceftriaxon natri)	Ceftriaxone EG 1g/10ml		VD-26402-17	1g	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ kềm 1 ống dung môi 10ml nước cất pha tiêm	Tiêm	Lọ	Công ty Cổ phần Pymepharco	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	Theo Danh mục thuốc đáp ứng tiêu chí quy định tại điểm c, khoản 1, điều 7 thông tư 15/2019/TT-BYT (cập nhật tới ngày 28/10/2020), sản phẩm Ceftriaxone EG 1g/10ml không được công bố.
50 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVA														
NHÓM 2														
1	20	Alphachymotrypsin	Alphachymotrypsin		VD-26250-17	4200 đơn vị USP	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Uống	viên	Công ty Cổ phần dược phẩm Sava	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVA	KHÔNG ĐẠT ĐIỂM KỸ THUẬT
51 CÔNG TY TNHH PHỐI LIÊN KẾT QUỐC TẾ														
NHÓM 2														
1	243	Acetaminophen + Tramadol hydroclorid	Utrachealth F.C Tablet		VN-21964-19	325mg; 37,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd	Đài Loan	CÔNG TY TNHH PHỐI LIÊN KẾT QUỐC TẾ	Bảng điểm kỹ thuật của sản phẩm không quy định điểm cho đây chuyển sản xuất đạt PIC/S-GMP.
52 CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDI-MEX BÌNH DƯƠNG														
NHÓM 1														
1	19	Acid Alendronic (dưới dạng natri alendronat trihydrat); Vitamin D3 (dưới dạng vitamin D3 100.000IU/g)	Fosamax Plus 70mg/5600IU		VN-19253-15	70mg; 5600IU	Viên nén	Hộp 1 vỉ x 4 viên	Uống	Viên	Frosst Iberica, Tây Ban Nha; S.A.; đóng gói; đóng gói: Hà Lan; Merck Sharp & Dohme B.V	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDI-MEX BÌNH DƯƠNG	KHÔNG ĐẠT ĐIỂM KỸ THUẬT	



BẢNG TỔNG HỢP CÁC SẢN PHẨM KHÔNG ĐẠT KỶ THUẬT VÀ BỊ LOẠI

GÓI THẦU THUỐC GENERIC

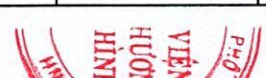
STT	STT trong Hồ sơ mới thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
2	36	Bào tử kháng đa kháng sinh Bacillus clausii	Enterogermina		QLSP-0728-13	2 tỷ bào tử/ 5ml	Hỗn dịch uống	Hộp 2 vỉ x 10 ống x 5ml	Uống	Ông	Sanofi S.p.A	Ý	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	KHÔNG ĐẠT ĐIỂM KỶ THUẬT
3	39	Betahistine dihydrochloride	Betaserc 16mg		VN-17206-13	16mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 20 viên	Uống	Viên	Mylan Laboratories SAS	Pháp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	Hàm lượng hoạt chất dự thầu (Betahistine dihydrochloride 16mg tương ứng với 10,42mg Betahistine) khác biệt hàm lượng hoạt chất trong hồ sơ mới thầu (Betahistin 16mg)
4	41	Bisoprolol Fumarate	Bisoprolol Fumarate 2.5mg		VN-18126-14	2,5mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Uống	Viên	Niche Generics Limited	Ireland	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	SDK hết hiệu lực (18/10/2020) trước thời điểm đóng thầu. Thẻ kho đến ngày 13/10/2020: 38 viên, không đáp ứng số lượng hồ sơ mới thầu (2.400 viên)
5	79	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim natri)	Biofuroksym 1,5g	Biofuroksym ym	VN-19303-15	1,5g	Bột pha dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ	Tiêm	Lọ	Pharmaceutical Works Polpharma S.A	Ba Lan	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	SDK hết hiệu lực (06/10/2020) trước thời điểm đóng thầu, hạn sử dụng còn lại của thuốc tồn kho (HD: 01-04-05/2021) không đáp ứng cam kết theo Hồ sơ mới thầu
6	95	Clostridium botulinum type A toxin-Haemagglutinin complex	Dysport 300U	Dysport	QLSP-1015-17	300U	Bột pha dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ	Tiêm	Lọ	Ipsen Biopharm Limited	Anh	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	Danh sách tổng hợp cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc tại nước ngoài đáp ứng GMP (cập nhật đến 17/12/2020): Phạm vi chứng nhận của nhà sản xuất không bao gồm giải đoạn đóng gói thuốc công nghệ sinh học.
7	96	Clostridium botulinum type A toxin - Haemagglutinin complex	Dysport 500U	Dysport	QLSP-1016-17	500U	Bột pha dung dịch tiêm	Hộp 1 lọ	Tiêm	Lọ	Ipsen Biopharm Limited	Anh	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	Danh sách tổng hợp cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc tại nước ngoài đáp ứng GMP (cập nhật đến 17/12/2020): Phạm vi chứng nhận của nhà sản xuất không bao gồm giải đoạn đóng gói thuốc công nghệ sinh học.

BẢNG TỔNG HỢP CÁC SẢN PHẨM KHÔNG ĐẠT KỶ THUẬT VÀ BỊ LOẠI

GỚI THẦU THUỐC GENERIC

STT	STT trong Hồ sơ môi trường	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
8	112	Diclofenac kali	Catalam 50		VN-18617-15	50mg	Viên nén bao đường	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Novartis Saglik Gıda Ve Tarım Ürünleri San. ve Tic.A.S	Thổ Nhĩ Kỳ	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VINEMEDMEX BÌNH DƯƠNG	"BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ KỶ THUẬT" không quy định điểm số cho đây chuyên sản xuất PIC/s-GMP
9	184	Mecobalamin	Methycobal Injection 500µg		VN-20950-18	Mỗi lml dung dịch chứa: Mecobalamin 500µg	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 1ml	Tiêm	Ống	Nipro Pharma Corporation Ise Plant	Nhật	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VINEMEDMEX BÌNH DƯƠNG	Tiêu chuẩn Nhà sản xuất là Japan-GMP, chưa được Cục QLD công bố tương đương EU-GMP.
10	242	Tramadol hydrochloride; Paracetamol	Ultracet		VN-16803-13	37,5mg ; 325mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Janssen Korea Ltd.	Hàn Quốc	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VINEMEDMEX BÌNH DƯƠNG	"BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ KỶ THUẬT" không quy định điểm số cho đây chuyên sản xuất PIC/s-GMP
NHÓM 2														
11	25	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) + Acid clavulanic (dưới dạng Clavulanat kali)	Fleming 875mg + 125mg B/100	Fleming	VN-18370-14	875mg + 125mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Medreich Limited	Ấn Độ	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VINEMEDMEX BÌNH DƯƠNG	Danh sách tổng hợp cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc tại nước ngoài đáp ứng GMP (cập nhật đến 17/12/2020): Nhà sản xuất chưa được công bố tiêu chuẩn GMP

[Handwritten signature]



BẢNG TỔNG HỢP CÁC SẢN PHẨM KHÔNG ĐẠT KỸ THUẬT VÀ BỊ LOẠI

GÓI THẦU THUỐC GENERIC

STT	STT trong Hồ sơ mới thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
12	125	Eperison hydroclorid	Myonal Tab. 50mg	Myonal 50mg (cơ sở đồng gói và xuất xương: Interthai Pharmaceu tical Manufactu ring Ltd, địa chỉ: 1899 Phaholyoth in Road, Lad Yao, Chatuchak, Bangkok 10900, Thailand)	VN-19072- 15	50mg	Viên nén bao đường	Hộp 3 vi x 10 viên	Uống	Viên	Bushu Pharmaceuti cal s Ltd. Misato Factory	Nhật	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	Cơ sở đóng gói và xuất xương không đáp ứng tiêu chí nhóm 2
13	271	Sắt (III) (dưới dạng sắt protein succinylat)	Ferlatum	Ferlatum (Đóng gói thư cấp: CIT S.r.l - D/c: Via Primo Villa, 17- 20875 Burrigo di Molgora (AB), Italy)	VN-22219- 19	Sắt (III) (dưới dạng sắt protein succiny lat 800mg)	Dung dịch uống	Hộp 10 lọ x 15ml	Uống	Lọ	Italfarmaco S.A.	Tây Ban Nha, đóng gói: Ý	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	KHÔNG ĐẠT ĐIỂM KỸ THUẬT

53 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TPVN

NHÓM 2

BẢNG TỔNG HỢP CÁC SẢN PHẨM KHÔNG ĐẠT KỶ THUẬT VÀ BỊ LOẠI

GỐI THẦU THUỐC GENERIC

STT	STT trong Hồ sơ mới	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	138	Etoricoxib	Ibay 90		VN-22066-19	90mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Saga Laboratories	Ân độ	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TP.VN	Trên chuẩn nhà sản xuất không đạt. Trong DANH SÁCH TỔNG HỢP CƠ SỞ SẢN XUẤT THUỐC, NGUYỄN LIỆU LÀM THUỐC TẠI NƯỚC NGOÀI ĐÁP ỨNG GMP (cập nhật 12/11/2020) và DANH SÁCH CƠ SỞ SẢN XUẤT THUỐC ĐẠT TIÊU CHUẨN PIC/S - GMP VÀ EU - GMP & PHẦN NHÓM THEO THÔNG TƯ 15/2019/TT-BYT, không công bố cơ sở sản xuất Saga Laboratories đạt EU-GMP.
2	295	Acid Ursodeoxycholic	Uldeso tab		VN-12487-11	300mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Hankook Korus Pharm. Co., Ltd	Hàn Quốc	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TP.VN	Bảng điểm kỹ thuật của sản phẩm không quy định điểm cho đây chuyên sản xuất đạt PIC/S-GMP.

57 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NGỌC VIỆT

NHÓM 2

1	254	Pregabalin	Pegaset 75		VN-22292-19	75mg	Viên nang cứng	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Uống	Viên	Aurobindo Pharma Limited	Ấn Độ	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NGỌC VIỆT	Công thông tin điện tử Cục Quản lý dược (http://www.dav.gov.vn) công bố từ đợt 1 đến đợt 11 (cập nhật đến ngày 12/11/2020): đây chuyên sản xuất thuốc của nhà sản xuất tham dự thầu không được công bố đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP.
2	295	Ursodeoxycholic acid	Uldeso tab		VN-12487-11 (CV 15615/QLD-DK ngày 12/9/2019)	300mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Hankook Korus Pharm. Co., Ltd	Hàn Quốc	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NGỌC VIỆT	Công thông tin điện tử Cục Quản lý dược (http://www.dav.gov.vn) công bố từ đợt 1 đến đợt 11 (cập nhật đến ngày 12/11/2020): đây chuyên sản xuất thuốc của nhà sản xuất tham dự thầu không được công bố đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP.

58 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VẠN CƯỜNG PHÁT

BẢNG TỔNG HỢP CÁC SẢN PHẨM KHÔNG ĐẠT KỶ THUẬT VÀ BỊ LOẠI

GÓI THẦU THUỐC GENERIC

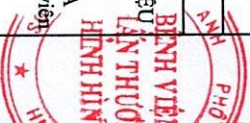
STT	STT trong Hồ sơ mới	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
NHÓM 2														
1	243	Acetaminophenl + Tramadol hydroclorid	Newcional Tablet		VN-19996-16	323mg + 37,5mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Nexpharm Korea Co., Ltd.	Hàn Quốc	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VẠN CƯỜNG PHÁT	Bảng điểm kỹ thuật của sản phẩm không quy định điểm cho đây chuyên sản xuất đạt PIC/S-GMP.
2	271	Elemental Iron (dưới dạng Iron Protein succinylate) 40mg/15ml	Ferion		VN-22216-19	Elemental Iron (dưới dạng Iron Protein succinylate) 40mg/15ml	Dung dịch uống	Hộp 1 chai, hộp 10 chai, mỗi chai 15 ml	Uống	viên	Gracure Pharmaceutical s Ltd.	Ấn Độ	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VẠN CƯỜNG PHÁT	KHÔNG ĐẠT ĐIỂM KỸ THUẬT
61 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI														
NHÓM 1														
1	150	Glucosamine Sulfat 2KCl, 1500mg Glucosamine Sulfat	FLEXSA 1500		VN-14261-11	Glucosamine Sulfat 1500mg	Thuốc bột uống	Hộp 30 gói x 3,7g	Uống	Gói	Mega Lifesciences (Australia) Pty.,Ltd	Australia	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	Bảng điểm kỹ thuật của sản phẩm không quy định điểm cho đây chuyên sản xuất đạt PIC/S-GMP.
2	230	Paracetamol	EFFERALGAN 150MG SUPPO GAN	EFFERALGAN	VN-21850-19	150mg	Thuốc đạn	Hộp 2 vỉ x 5 viên	Đặt hậu môn	Viên	UPSA SAS	Pháp	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	DANH SÁCH TỔNG HỢP CỐ SỞ SẢN XUẤT THUỐC, NGUYỄN LIÊU LÂM THUỐC TẠI NƯỚC NGOÀI ĐÁP ỨNG GMP (cấp nhất đến 16/12/2020), cơ sở xuất xưởng UPSA SAS không có phạm vi chứng nhận viên đặt.

BẢNG TỔNG HỢP CÁC SẢN PHẨM KHÔNG ĐẠT KỶ THUẬT VÀ BỊ LOẠI

GÓI THẦU THUỐC GENERIC

STT	STT trong Hồ sơ mới thầu	Họ/t chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
3	235	Paracetamol	EFFERALGAN 300MG SUPPO	EFFERALGAN (Cơ sở xuất xứ): Upsa SAS, đ/c: 979, Avenue des Pyrénées, 47520 Le Passage, (France)	VN-21217-18	300mg	Viên dán	Hộp 2 vỉ x 5 viên	Đặt hậu môn	Viên	UPSA SAS	Pháp	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	DANH SÁCH TỔNG HỢP CƠ SỞ SẢN XUẤT THUỐC, NGUYỄN LIỆU LÀM THUỐC TẠI NƯỚC NGOÀI ĐÁP ỨNG GMP (cập nhật đến 16/12/2020), cơ sở xuất xứ UPSA SAS không có phạm vi chứng nhận viên đất.
4	238	Paracetamol	EFFERALGAN 80MG SUPPO	EFFERALGAN (Cơ sở xuất xứ): Upsa SAS, đ/c: 979, Avenue des Pyrénées, 47520 Le Passage, (France)	VN-20952-18	80mg	Viên dán	Hộp 2 vỉ x 5 viên	Đặt hậu môn	Viên	UPSA SAS	Pháp	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	DANH SÁCH TỔNG HỢP CƠ SỞ SẢN XUẤT THUỐC, NGUYỄN LIỆU LÀM THUỐC TẠI NƯỚC NGOÀI ĐÁP ỨNG GMP (cập nhật đến 16/12/2020), cơ sở xuất xứ UPSA SAS không có phạm vi chứng nhận viên đất.

NHOM 2



BẢNG TỔNG HỢP CÁC SẢN PHẨM KHÔNG ĐẠT KỶ THUẬT VÀ BỊ LOẠI

GOI THẦU THUỐC GENERIC

STT	STT trong Hồ sơ mới thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
5	125	Eperisone hydrochlorid	ZONAXSSON		VN-20343-17	50mg	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	Indonesia	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	DANH SÁCH TỔNG HỢP CƠ SỞ SẢN XUẤT THUỐC, NGUYỄN LIỆU LÀM THUỐC TẠI NƯỚC NGOÀI ĐÁP ỨNG GMP (cấp nhất đến 16/12/2020), cơ sở sản xuất PT. Novell Pharmaceutical Laboratories đạt EU-GMP đợt 10 STT 626 (phạm vi chứng nhận được công bố. Thuốc vô trùng tiệt trùng cuối: dung dịch thể tích nhỏ) không có phạm vi chứng nhận viên nén bao phim.
6	138	Etoricoxib	NUCOXIA 90		VN-22061-19	90mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Uống	Viên	Cadilla Healthcare Ltd.	India	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	DANH SÁCH TỔNG HỢP CƠ SỞ SẢN XUẤT THUỐC, NGUYỄN LIỆU LÀM THUỐC TẠI NƯỚC NGOÀI ĐÁP ỨNG GMP (cấp nhất đến 16/12/2020), cơ sở sản xuất Cadilla Healthcare Ltd. đạt WHO-GMP đợt 12 STT 968 hết hạn ngày 30/10/2021 (viên nén bao) không phù hợp với tiêu chuẩn nhà sản xuất của nhóm thuốc dự thầu.
NHÓM 2														
62. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA														
NHÓM 4														
1	138	Etoricoxib	Etogetic 90		VN-20010-16	90mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên.	Uống	Viên	Mepro Pharmaceuticals Pvt. Ltd-Unit II	An Độ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	Công thông tin điện tử Cục Quản lý dược (http://www.dav.gov.vn) công bố từ đợt 1 đến đợt 11 (cấp nhất đến ngày 12/11/2020): đây chuyên sản xuất thuốc của nhà sản xuất thuốc tham dự thầu không có công bố đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP.

BẢNG TỔNG HỢP CÁC SẢN PHẨM KHÔNG ĐẠT KỸ THUẬT VÀ BỊ LOẠI

GỚI THẦU THUỐC GENERIC

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Công ty dự thầu	KẾT LUẬN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
2	209	Natri clorid	Sodium Chloride 0.9%		VD-24019-15	0.9g/10 0ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai nhựa 500ml	Tiêm tuyền	Chai	Công ty dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	không cung cấp hồ sơ sản phẩm trong hồ sơ tham dự thầu.

Ngày 28 Tháng 12 Năm 2020

TỔ TRƯỞNG TÒ CHUYÊN GIA

PHÓ GIÁM ĐỐC



HOÀNG MẠNH CƯỜNG

